

**KINH HƯ KHÔNG TẠNG  
AKASAGARBHA SUTRA**

ནམ་མཁའི་སླིང་པོའི་མདོ།

འཕགས་པ་ནམ་མཁའི་སླིང་པོ་ཞེས་བྱ་བ་ཐེག་པ་ཆེན་པོའི་མདོ།





**KINH HƯ KHÔNG TẠNG**  
**AKASAGARBHA SUTRA**

ནམ་མཁའི་སྣིང་པོའི་མདོ།

འཕགས་པ་ནམ་མཁའི་སྣིང་པོ་ཞེས་བྱ་བ་ཐེག་པ་ཆེན་པོའི་མདོ།

*'phags pa nam mkha'i snying po zhes bya ba  
theg pa chen po'i mdo*

**Kinh Đại Thừa Tôn Quý HƯ KHÔNG TẠNG**  
**(AKASAGARBHA)**  
**Arya AKASAGARBHA Nama Mahayana Sutra**  
**Xin Kính Lễ Bậc Thánh Trí Hư Không Tạng!**

*Toh 260, Degé Kangyur, vol 66 (mdo sde, za),  
folios 264a–283b*

*Được biên dịch ra Anh ngữ bởi  
Nhóm Dịch Thuật Sakya Pandita  
(Phân Viện Phật Giáo Quốc Tế)*

*Dịch ra Việt ngữ bởi Dharma Dipo, 2015*



*Published by 84000 (2014)*  
*www.84000.co*



*Tác phẩm này được cung cấp dưới sự bảo hộ của Hạ Nghị Viện Sáng Tạo CC BY-NC-ND (Quyền hạn – Phi lợi nhuận – Không sao chép) bản quyền 3.0. Tác phẩm có thể được phép sao lưu hay in ấn cho mục đích sử dụng đúng, nhưng chỉ với quyền hạn đầy đủ, và không vì lợi ích thương mại hay lợi lộc cá nhân. Để xem chi tiết đầy đủ, xin xem giấy phép Hạ Nghị Viện Sáng Tạo*

**Nội Dung**

**Tóm Lược  
Lời Cảm Ơn  
Giới Thiệu**

**Phần Dịch**

**KINH HU' KHÔNG TẠNG AKASAGARBHA**

**Chú Thích  
Nguồn Tham Khảo**



## Tóm Lược

Trong khi Đức Phật đang ngự ở Núi Khalatika cùng đoàn tùy tùng của mình, một sự phô diễn kỳ diệu đáng kinh ngạc của ánh sáng xuất hiện, được mang tới bởi hoạt động giải thoát của Đức Bồ Tát Hư Không Tạng (AKASAGARBHA). Khi Đức Bồ Tát hiện diện trong hội chúng, Ngài đã hóa hiện một hiển lộ phô diễn phi thường, và Đức Phật đã tán thán những thành tựu cùng hành năng không thể nghĩ bàn của Đức Bồ Tát, và Đức Phật đã giảng giải cách thỉnh cầu ân phước của vị Bồ Tát này. Ngài đưa ra những vi phạm cơ bản của những người cai trị, các quan lại, chư Thanh Văn và các vị Bồ Tát sơ phát tâm, và, sau khi giải thích một cách chi tiết cách tiến hành các nghi thức tịnh hóa, khuyến khích những người mắc lỗi như vậy hướng về Đức Hư Không Tạng. Khi mọi người cầu nguyện tới Đức Hư Không Tạng, thì Ngài tùy nghi hóa hiện phù hợp với nhu cầu của chúng sinh, Ngài xuất hiện trước họ khi họ thức, trong những giấc mơ hoặc vào lúc chết. Bằng cách này, Đức Hư Không Tạng từng bước dìu dắt họ trên con đường, giúp họ tịnh hóa những hành động tiêu cực, làm giảm bớt đau khổ của họ, hoàn thành mọi nguyện ước của họ, và cuối cùng đạt được giác ngộ viên mãn.

## Lời Cảm Ơn

*Bản Kinh này được phiên dịch bởi Nhóm Dịch Thuật Sakya Pandita, Phân Viện Phật giáo Quốc Tế. Bản văn đã được dịch sang Anh ngữ bởi các học giả tu sĩ Jampa Tenzin và Ngawang Tenzin, cùng Christian Bernert và Julia C. Stenzel. Đã được hiệu đính bởi Pamela Gayle White và Vivian Paganuzzi.*

*Được dịch ra Việt ngữ bởi Dharma Dipo, 2015.*



## Lời Giới Thiệu

### ***Đức Akasagarbha, Bồ Tát Hư Không Tạng – “Tinh Túy Hư Không”.***

Đức Hư Không Tạng đặc biệt thuộc nhóm 8 *Trưởng Tử Tâm Yếu của Đức Phật* (*nye ba'i sras brgyad or nye ba'i sras chen brgyad*), những bậc được coi là những bậc Bồ Tát thượng thủ trong đoàn tùy tùng Đức Phật, 7 vị kia là Đức Văn Thù Manjushri, Đức Quán Tự Tại Avalokiteshvara, Đức Kim Cang Thủ Vajrapani, Đức Địa Tạng Ksiti-garbha, Đức Trừ Cái Chướng Sarva-nivarana-viskambhin, Đức Di Lạc Maitreya, và Đức Phổ Hiền Samantabhadra. Mỗi vị Bồ Tát hoàn thành một vai trò đặc biệt đối với lợi ích của chúng sinh, Sự hiện hữu của Đức Hư Không Tạng là để giúp chúng sinh tịnh hóa bản thân khỏi những kết quả từ hành động tiêu cực.

Hồng Danh Hư Không Tạng có thể được hiểu là “*Tinh túy (Garbha)<sup>1</sup> của Hư Không (Akasa).*” Để hiểu thánh hiệu này của Ngài thì sẽ là hữu ích khi xem xét khái niệm về hư không hay không gian trong tư tưởng Phật giáo. Trong triết học Phật giáo thì từ ban sơ, không gian là phi chương ngại, không chất thể và hư không cho phép 4 nguyên tố: đất,

---

1 Thuật ngữ *garbha* có thể ám chỉ những điều khác nhau, tùy thuộc vào ngữ cảnh. Từ cung, phôi thai, tâm, và tinh túy là tất cả những ý nghĩa có thể được dịch ra. Về mặt lịch sử, Tây Tạng đã chọn dịch là  *snying po*, có nghĩa là một bản chất hay trung tâm của một vấn đề. Một cuộc thảo luận về thuật ngữ này được thấy trong Zimmermann 2002: 40-41.

nước, gió và lửa được vận động tự do, không ngăn ngại. Hư không phi chướng ngại là bởi tính chất hiện diện ở khắp mọi nơi cùng tính chất vĩnh cửu của nó. Ngoài việc đơn thuần thiếu vắng sự tắc nghẽn, nó cũng được tính vào một trong ba pháp hay 3 hiện tượng vô điều kiện trong thế giới này, hai cái còn lại là hai loại ngừng dứt.<sup>2</sup> Trong Pali Maha-Parinibbana-Sutta (Đại Bát Niết Bàn), hư không được nói như là nền tảng thực cho tất cả các nguyên tố hiện hữu khác.<sup>3</sup>

Như vậy chúng ta có thể hiểu được vị thế nổi trội mà hư không nắm giữ giữa các nguyên tố hiện hữu, và cũng tương tự như vậy đối với vị thế của Bồ Tát Hư Không Tạng giữa các vị Bồ Tát khác cùng nhóm, sự hiện diện của Ngài sáng rõ hơn tất cả mọi điều trên thế gian, tất cả trừ chính chư Phật. Cũng như hư không là tiềm năng vô hạn gom chứa toàn bộ hiện hữu tồn tại, do vậy Đức Hư Không Tạng sở hữu vô số những phẩm chất phi thường làm lợi lạc chúng sinh. Là hiện thân của sự phi chướng ngại, Ngài giúp chúng sinh loại bỏ những chướng ngại trên con đường dẫn đến sự tỉnh thức, đặc biệt là những trở ngại bị gây ra bởi chính những lầm lỗi của họ, bằng cách khiến họ công khai bộc lộ, sám hối những vi phạm, lầm lạc của mình.

---

2 LVP 1923: 7-8.

3 Xem: <http://www.accesstosinsight.org/tipitaka/dn/dn.16.1-6.vaji.html>

Do mối liên hệ của Ngài với hư không và sự tịnh hóa những hành động tiêu cực, Đức Hư Không Tạng trở nên gắn liền với Đức Phật Vairocana (Đại Nhật Tỳ Lô Giá Na), một trong những nhân vật chính yếu trong truyền thống Phật giáo Mật thừa, vị Phật này có năng lực tịnh hóa những tiêu cực nói chung, và đặc biệt là tịnh hóa cho những người đã mất. Đặc biệt trong truyền thống Mật thừa của Trung Hoa và Nhật Bản, Đức Hư Không Tạng đã trở thành một nhân vật tín ngưỡng quan trọng.<sup>4</sup>

### ***Bản Kinh Hư Không Tạng***

Trong tác phẩm của mình về Đức Hư Không Tạng ở Trung Hoa và Nhật Bản (tiếc là vẫn chưa được hoàn tất), M.W. de Visser đưa ra một danh sách toàn diện các văn bản liên quan đến này vị Bồ Tát này.<sup>5</sup> Đầu tiên trong số đó được xuất hiện ở Trung Quốc là *Kinh về Bồ Tát Hư Không Tạng*, được dịch bởi ngài Buddhayasas giữa năm 403 và 413 CE. Đây là phiên bản sớm nhất chúng ta có được, vì bản tiếng Phạn hiện nay không còn nữa.

Phiên bản Trung Hoa của văn bản này thì khác nhiều so với phiên bản Tây Tạng được tìm thấy trong

---

4 Về một cuộc thảo luận về vai trò của Đức Hư Không Tạng trong truyền thống Phật giáo Mật Thừa và mối liên hệ của Ngài với Đức Đại Nhật MahaVairocana xem De Visser (1931: 11-16).

5 De Visser (1931: 17-18).

Kangyur.<sup>6</sup> Mặc dù nội dung cơ bản của cả hai văn bản là giống nhau, nhưng cấu trúc của chúng lại rất khác nhau, và bản Trung Hoa thì có nhiều đoạn không được tìm thấy trong bản Tây Tạng, và ngược lại.<sup>7</sup> Do vậy là hợp lý khi nói hai phiên bản khác nhau của Kinh Hư Không Tạng. Văn bản Tây Tạng được chuẩn bị bởi 2 ngài Shakyaprabha và Ratnaraksita, 2 tăng sĩ hầu như nổi tiếng một cách chắc chắn vào khoảng quanh thế kỷ thứ 9 CE.<sup>8</sup> Nhưng dù Kangyur chỉ gồm một *Kinh Hư Không Tạng*, thì chúng tôi vẫn dịch thay thế một số đoạn của nó. Trong Siksamuccaya (Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận) của ngài Shantideva (Tịch Thiên), thì vẫn còn những đoạn trích dẫn rộng từ Kinh này<sup>9</sup> mà

---

6 De Visser (1931: 18-27) cung cấp một bản tóm lược rộng phiên bản Trung Quốc của bản kinh này. Với một bản dịch tiếng Đức từ Hàn Quốc và Trung Quốc xem Tarchin và Lindmayer (2010).

7 Ví dụ, bản Trung Quốc có bao gồm một phần của đoạn mở đầu mà bản Tây Tạng không có. Ngược lại, trong các cuộc thảo luận về 8 vi phạm cơ bản cho các vị Bồ Tát sơ phát tâm, thì bản Tây Tạng trình bày những phương pháp thực hiện tịnh hóa những hành động tiêu cực của một người ngay sau khi giải thích về sự vi phạm đầu tiên, một lời giải thích mà chúng tôi không tìm thấy ở đây trong bản Trung Quốc.

8 Sakyaprabha được nói rằng đã làm việc hợp tác với các dịch giả/ nhà biên tập Yeshe De (ye shes sde) bậc vang danh rực rỡ quanh quãng thời gian khoảng thế kỷ thứ 9 trở lại (xem ví dụ Toh. No. 558/559/562/563).

9 Đối với một bản dịch những đoạn có liên quan xem Bendall và Rouse (1922: 61ff). Những trích dẫn mở rộng của Kinh Hư Không Tạng được tìm thấy trong các phiên bản của Tây Tạng Shiksamuccaya, tuy nhiên, không giống những đoạn tương ứng với Kinh Hư Không Tạng trong Kangyur. Khi cả hai bản dịch đều đã được ấn hành trong khoảng thời gian đó, chúng đã được chuẩn bị hoặc độc lập với nhau, hoặc một bản có trước đại diện cho một số loại phiên bản được sửa đổi lại rất nhiều về sau này. Điều thú vị là vị trưởng biên tập bản dịch tác phẩm làm việc với Sakyaprabha, một trong những dịch giả Kinh Hư Không Tạng của ngài Shantideva là Yeshe De người như đã được đề cập ở trên.

trong đó tiếng Phạn vẫn còn cũng như bản dịch của nó sang tiếng Tây Tạng

### ***Những điểm mâu chốt của Kinh Hư Không Tạng***

Kinh này được biết đến rộng rãi trong cộng đồng Phật giáo Tây Tạng, ít nhất là tên của bản Kinh. Điều này xuất phát từ thực tế là nó đã được đề cập trong tác phẩm rất nổi tiếng và được nghiên cứu rộng rãi của ngài Shantideva là *Bodhicaryavatara* (Nhập Bồ Tát Hạnh) (Tạng ngữ là *byang chub sems pa'i spyod pa la 'jug pa*). Trong chương thứ năm về “*Giữ Sự Tĩnh Giác*”, ngài Shantideva khuyên độc giả nên nghiên cứu các kinh điển, và bắt đầu với Kinh Hư Không Tạng để tìm hiểu về tu tập.<sup>10</sup>

Kinh Hư Không Tạng là một bộ kinh Đại Thừa nhấn mạnh việc tu hành tâm linh. Do đó có thể nói rằng nó có một mối quan hệ mạnh mẽ với cái được gọi là sự tập trung thiền định trong kinh Đại Thừa, trong đó Kinh Suramgamasamadhi (Thủ Lăng Nghiêm) là một đại diện nổi trội. Văn bản của chúng ta thực sự đề cập nhiều lần đến sự tập trung thiền định trên tiến trình quả cảm (Phạn ngữ là *Shuramgamasamadhi*.) của các vị Bồ Tát trong địa thứ 10.<sup>11</sup>

---

10 BCA V, 104.

11 Đáng ngạc nhiên là bản kinh này được nêu cụ thể trong văn bản của chúng tôi, một tài liệu tham khảo, chúng tôi không tìm thấy trong những phần tương ứng được trích dẫn trong *Shikhsasamuccaya* của ngài Shantideva. Nó có thể là một bổ sung từ các dịch giả của văn bản mà chúng tôi có, cụ thể là 2 vị Sakyaprabha và Ratnaraksita, những người

Hơn nữa, trong cuộc thảo luận về những vi phạm của các vị Bồ Tát sơ phát tâm, giữa những tập quán bất tịnh khác khóa chặt việc thực hành của tăng sĩ về việc chỉ đơn thuần tụng đọc kinh điển bị chỉ trích. Chủ đề chính của bản kinh này, tuy nhiên, không phải là thiên định mà là đức tin cùng lòng sùng mộ một vị Bồ Tát như một phương tiện tịnh hóa. Như đã đề cập ở trên, vì hành năng chính của Đức Hư Không Tạng là loại bỏ những chướng ngại trên con đường dẫn tới giác ngộ, những người tín tâm nơi Ngài được khuyên mạnh mẽ rằng hãy phát sinh đức tin thuần khiết nơi Ngài. Chính đức tin này sẽ hỗ trợ cho những thực hành kính ngưỡng và cúng dường sùng mộ, những điều sẽ thỉnh triệu sự hiện diện và những ân phúc của Ngài. Mỗi khi được thỉnh cầu, Bồ Tát sẽ giúp đỡ những người sùng mộ tùy theo năng lực và khuynh hướng của họ bằng cách trước tiên khiến họ lộ ra những hành vi tiêu cực của mình.

Thực hành phơi bày hay sám hối công khai những hành vi tiêu cực được coi là một yếu tố cơ bản của Phật Giáo. Nó thiết yếu cho việc tịnh hóa tâm thức và là thành phần thứ 3 trong thực hành 7 chi (Tạng ngữ là *yan lag bdun pa*), một thực hành khởi đầu được tụng niệm hàng ngày trong hầu hết các hành giả theo truyền thống Tây Tạng.<sup>12</sup> 7 chi là: Lễ kính

---

cũng có cùng một trách nhiệm với việc chuyển Tạng ngữ bản kinh Thủ Lăng Nghiêm.

12 Có rất nhiều phiên bản của thực hành bảy chi này, nổi tiếng nhất là được lấy từ bài nguyện của Đức Phổ Hiền (Tib. bzang spyod smon lam).

chư Phật, quảng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng, tùy hỷ công đức, thỉnh chuyển Pháp luân, thỉnh Phật trụ thế và hồi hướng mọi công đức về sự lợi lạc cho chúng sinh.

Nhưng vậy chính xác thì những hành động tiêu cực nào sẽ được sám hối công khai bởi những người theo Phật? Trong kinh này, chính Đức Phật đã đưa ra câu trả lời cho câu hỏi này: Chúng là những lầm lỗi, vi phạm (Tạng ngữ là *ltung ba*; Phạn ngữ là *Apatti*), chúng cũng được hiểu là những sa ngã. Cái gọi là sa ngã là những vi phạm thệ nguyện hoặc những nguyên tắc ứng xử cụ thể tùy theo từng loại giới nguyện khác nhau của những người theo Phật giáo. Trong Phật giáo, những lời phát nguyện là hình thức cam kết thiêng liêng nhằm bảo đảm tiến trình vững chắc trên con đường. Chúng là “những ứng dụng thực tế và những kết quả từ những học thuyết Phật giáo khác nhau.”<sup>13</sup> Như vậy, những lầm lạc thì không phải là những hành động được đánh giá, phán xét như việc phản đối về mặt đạo đức từ một ai đó có thẩm quyền cao hơn; mà đúng hơn, chúng là những hành động của thân, khẩu, tâm khiến tạo ra những kết quả là sự trở ngại nghiêm trọng trên con đường tâm linh cho những ai vi phạm. Chúng khiến một người “*trượt ngã, hay rơi ra khỏi*” con đường dẫn đến giác ngộ, do vậy, trong trường hợp tồi tệ nhất là nó sẽ khiến người vi phạm rơi xuống các cõi thấp. Những vi phạm cần phải được sám hối, tịnh hóa ngay từ lúc bắt đầu của con đường, và để giúp

---

13 Kongtrul Lodro Taye (2003: 22).

đỡ chúng sinh thực hiện điều này thì đó chính là năng lực chuyên biệt của Đức Hư Không Tạng. Một người đi vào Đại Thừa khi họ phát Bồ Đề tâm, quyết tâm đạt được Phật quả vì lợi ích cho toàn thể chúng sinh.<sup>14</sup> Vì vậy, bước đầu tiên trong tu tập là phát khởi được ý nguyện này, nó được gọi là bồ đề tâm nguyện (Tạng ngữ là *smon pa'i byang chub kyi sems*; Phạn ngữ là *bodhipranidhicitta*), rồi tiếp đó hành giả dần dần thâm nhập vào các con đường, được gọi là bồ đề tâm hành (Tạng ngữ là *'jug pa'I byang chub kyi sems*; Phạn ngữ là *bodhiprasthanacitta*).<sup>15</sup> Trong luận giảng chi tiết về việc tu tập bồ đề tâm hành được tìm thấy trong *Luận Giảng Ý Nguyện Bậc Hiền Triết* của Học Giả Sakya Pandita (*thub pa dgongs gsal*), tác giả đã giải thích nguyên nhân phát sinh của nó, cách trưởng dưỡng các thuận duyên tăng trưởng nó, và các phương pháp để ngăn chặn sự suy giảm của nó.<sup>16</sup> Nó nằm trong phần thứ hai mà tác giả đề cập đến những vi phạm cơ bản được liệt kê trong kinh Hư Không Tạng. Chúng là những vi phạm đã cam kết của những người cai trị, chính trị gia, các Thanh Văn, hoặc chúng đệ tử, và, đặc biệt là những vị bồ tát sơ phát tâm.<sup>17</sup> Toàn bộ danh sách này, ngoại trừ những vi phạm của các Thanh Văn, thì nó trở thành một nét nổi trội trong tu tập giáo lý

---

14 Với một nghiên cứu sâu của khái niệm này xem Wangchuk (2007).

15 Sự khác biệt này được xác nhận một cách rõ ràng trong Bodhicaryavatara của ngài Shantideva(1,15).

16 Thub pa'i dgongs pa rab tu gsal ba (16a2-17a2).

17 Các thuật ngữ trong kinh là: Ksatriya (vua chúa), quan lại, Thanh Văn, và các Bồ Tát sơ phát tâm. Đối với một bản trình bày rõ ràng và ngắn gọn về những lời thệ nguyện xem Kongtrul Lodro Taye (2003: 176-179).



Đại Thừa được gọi là 14 vi phạm cơ bản.<sup>18</sup> Như các văn bản thường được nghiên cứu trong tất cả các trường phái Phật giáo Tây Tạng, những tác giả của tất cả các dòng truyền thừa đều xem Kinh Hư Không Tạng như là nguồn tham học cho các vi phạm bồ tát giới.<sup>19</sup>

Bản kinh đề cập đến danh sách sau đây những vi phạm:

*a) Đối với những người cai trị ksatriya (vua chúa):*

- 1. Lấy cắp của một nơi thờ tự như đền, chùa hay tăng đoàn, hoặc hối lộ người khác làm vậy.*
- 2. Cường ép người khác bỏ Pháp và gây những chướng ngại cho việc dạy Pháp.*
- 3. Lộ áo tu sĩ và lãng mạ họ.*
- 4. Phạm bất kỳ điều nào trong 5 hành động ghê tởm.*
- 5. Cổ súy cho triết lý không tôn tại nhân quả.*

---

18 Cần lưu ý ở đây là sự trình bày 14 tội lỗi cơ bản có thể thay đổi tùy theo các truyền thống giảng dạy khác nhau. Theo Kinh Hư Không Tạng, danh sách đầy đủ gồm 5 tội lỗi cho ksatriyas (vua chúa), 5 cho các quan lại, và 8 cho các vị Bồ Tát sơ phát tâm. Vì bốn cái đầu tiên vi phạm của quan lại cũng giống như của vua chúa, nên tổng cộng có 14 tội lỗi khác nhau cơ bản.

19 Xem Kongtrul Lodro Taye (2003: 176), và Ngari Panchen (1996: 84).

*b) Đối với các quan lại:*

- 1. Lấy cắp của một nơi thờ tự như đền, chùa hay tăng đoàn,*
- 2. Phá hoại làng mạc, thành thị, thị trấn.*
- 3. Ép buộc người khác bỏ Pháp và gây chướng ngại cho việc dạy Pháp.*
- 4. Làm hại các tu sĩ, bằng cách lột áo của họ, trừng phạt, hay thậm chí sát hại họ.*
- 5. Phạm bất kỳ điều nào trong 5 hành động ghê tởm.*

*c) Đối với các Thanh Văn:*

- 1. Sát sinh*
- 2. Lấy những gì không được cho.*
- 3. Hành xử đôi bại.*
- 4. Nói dối.*
- 5. Làm tổn hại một vị Phật.*

*d) Đối các vị Bồ Tát sơ phát tâm:*

- 1. Giảng Pháp thâm sâu về tánh Không cho người chưa trưởng thành tâm linh.*
- 2. Làm nản lòng người khác thực hành con đường Đại Thừa.*
- 3. Làm nản lòng người khác thực hành luật tạng (vinaya) cho sự giải thoát cá nhân.*
- 4. Coi thường con đường Thanh Văn, nói rằng nó cản trở một người đạt đến giác ngộ và ngăn họ xóa bỏ các phiền não.*

5. Ca ngợi bản thân mình và bành trước sự ích kỷ vì lợi lộc, danh dự bản thân.
6. Lừa dối người khác, tuyên bố một người đã chứng ngộ những giáo lý thâm sâu về tánh không trong khi người đó chưa chứng ngộ.
7. Lạm dụng các tu sĩ và hối lộ các vua chúa.
8. Khiến các tu sĩ từ bỏ tu tập thiền định và làm trệch hướng những cúng dường dành cho các tu sĩ thiền định để làm lợi cho các tu sĩ chỉ đơn thuần tham gia vào việc thực hành đọc tụng.

Một nét đặc biệt của bản kinh này, và cũng là một điểm độc đáo là nó đề cập đến những thực hành được mang lại trong giấc mộng.<sup>20</sup> Những thực hành tương tự đã được biết đến với những đệ tử Phật giáo Tây Tạng quen thuộc với các kỹ thuật thường được gọi là yoga giấc mộng, nhưng chúng khá hiếm thấy trong những ngữ cảnh Đại Thừa không thuộc Mật giáo.<sup>21</sup> Trong bối cảnh này, mục đích của thực hành được mang lại trong giấc mơ dành cho những người đã không diện kiến được Đức Hư Không Tạng trong trạng thái tỉnh thức, và thực hành này mang lại một cuộc diện kiến trong giấc mơ với Đức Bồ Tát nhằm phát lộ những lỗi lầm của họ.

---

20 Về những ý nghĩa của giấc mơ nói chung trong kinh điển Đại Thừa xem Harrison (2003).

21 Phiên bản Trung Quốc của bản văn được ấn hành vào đầu thế kỷ thứ 5, có nghĩa là xây ra trước bất kỳ ảnh hưởng lớn nào từ truyền thống Mật thừa.

Cuối cùng, một chủ đề lặp lại khác xuyên suốt bản kinh này là việc sử dụng các dharani (tổng trì – đà la ni). Thuật ngữ này có ít nhất 2 ý nghĩa khác biệt trong riêng văn bản này: một mặt, đó là một công thức huyền bí được lặp đi lặp lại với mục tiêu hoàn thành những mong muốn thế tục và tâm linh, dù đó là cho bản thân mình hay người khác, và, mặt khác, đó lại là một trạng thái của năng lực ghi nhớ không bao giờ vơi cạn mà các vị Bồ Tát đạt được trên các cấp độ chứng ngộ cao hơn. Nhưng khi đề cập đến các dharani thì không nhất thiết phải bao hàm một sự ảnh hưởng của Phật giáo Mật thừa vào văn bản này. Các Dharani được sử dụng thường xuyên khá sớm trong các bản kinh điển Đại Thừa trước khi có sự phát triển của Mật thừa trong Phật giáo.<sup>22</sup>

## Kết Luận

Kinh Hư Không Tạng có thể được hiểu như là một bản văn Đại Thừa đầy sùng mộ, lòng sùng mộ là một phương tiện thiện xảo trên con đường dẫn đến giác ngộ trong Phật giáo. Bản văn rõ ràng rất quan trọng ở Trung Hoa và Nhật Bản, nơi Bồ Tát Hư Không Tạng đã trở thành một hình tượng kính ngưỡng quan trọng, và trong truyền thống Tây Tạng, bản kinh đã trở thành như một nguồn chính yếu cho danh mục những vi phạm Bồ Tát giới. Bản kinh có mặt trước thời điểm phát triển phong trào Phật giáo Mật thừa ở Ấn Độ, tuy vậy nó vẫn chứa đựng những yếu tố xác

---

<sup>22</sup> Về dharani xem Davidson (2009).

thực làm gia tăng tầm quan trọng và sự mở rộng xa hơn trong Phật giáo Kim Cương thừa.

Đức Hư Không Tạng là tinh yếu, là tử cung thai tạng của hư không, của không gian. Vô giới hạn, Ngài mang đến cho chúng sinh bất kì điều gì họ cần; Thấy biết không ngăn ngại, Ngài gỡ bỏ bất kì điều gì có thể làm ngăn che chúng sinh khỏi cái thấy thực tại.

### **Bản Dịch**

Đối với tác phẩm này, các dịch giả dựa trên phiên bản Dege của Kangyur, được hỗ trợ bởi các phiên bản Bắc Kinh và Narthang cùng sự trợ giúp của ấn bản so sánh từ Kangyur (xem mục tài liệu tham khảo). Mỗi khi đối mặt với những đoạn có vấn đề hoặc khó khăn, chúng tôi đã thảo luận về các phương án cùng các học giả Tây Tạng, chúng tôi đã cùng làm việc để tìm ra những gì là xác đáng nhất cho sự chính xác khi đọc của văn bản.

Công việc biên dịch chắc chắn trùng hợp với công việc luận giải, và bất kỳ bản dịch nào sẽ chỉ là một trong những bản đọc có thể có của văn bản. Trong trường hợp này, công việc trả lại gặp khó khăn bởi nhiều câu thơ không rõ nghĩa và có phần bí truyền mà bản kinh chứa đựng. Với tất cả mọi nguồn lực của mình, chúng tôi đã cố gắng nhiều nhất có thể để hiểu và dịch được những đoạn văn đó; nhưng rõ ràng ở những đoạn khó hiểu, chúng tôi đã hướng vào việc dùng các câu tiếng Anh, chứ không dùng cách phản

ánh đa nghĩa của các bản văn Tây Tạng. Chúng tôi xin lỗi cho tất cả các trường hợp mà chúng tôi đã không làm nó công bằng.

Thuật ngữ chuyên ngành, chẳng hạn như những chủng loài chúng sinh có mặt trong hàng thánh chúng của Đức Phật cũng như các thuật ngữ chuyên dụng nhất định, được đưa ra trong tiếng Phạn khi chúng tôi nghĩ rằng sẽ không có từ tiếng Anh chuyên ngữ lại mang ý nghĩa chính xác được. Phiên bản Tây Tạng của bản kinh cũng bao gồm một số các dharani trong tiếng Phạn được phiên âm, và giống như các dịch giả Tây Tạng, chúng tôi đã để chúng lại nguyên như lúc ban đầu. Trong quá trình cố gắng tái tạo lại việc đọc tiếng Phạn chuẩn nhất, chúng tôi phải đối mặt với nhiều vấn đề mặc dù có sự hỗ trợ của một chuyên gia tiếng Phạn. Việc giải quyết chúng sẽ kéo theo một dự án nghiên cứu riêng biệt, nằm ngoài phạm vi của công việc dịch thuật hiện tại.

## BẢN DỊCH

### Kinh Đại Thừa Tôn Quý Hư Không Tạng

*[F.264.a] Xin kính lễ tất cả chư Phật chư Bồ Tát!*

Tôi nghe như vậy, vào một thời, Đức Thế Tôn đang ngự trên Núi Khalatika, nơi trú xứ của các vị ẩn sĩ, cùng một tập hội hàng hà sa số các tầng sĩ cùng các vị Thanh Văn vĩ đại. Các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát vân tập vô hạn như cát sông Hằng, hình thành một hội chúng bao la vô hạn các vị Bồ Tát cũng đã có mặt ở đó. Ngay khi Đức Thế Tôn hoàn thành lời tiên tri của mình về những thế nguyện trang nghiêm, lộng lẫy của các Đấng Như Lai, thì ngọc bảo Indranila<sup>23</sup> đã xuất hiện ở phía tây. Hàng trăm hàng ngàn viên ngọc như ý quý báu rơi xuống và phủ quanh nó.

---

23 “Viên ngọc Indranila” cũng được dịch là viên ngọc báu của vua trời Indra, hoặc Chintamani. Theo Visser (1931: 19), dịch từ tiếng Phạn thì Chintamani là viên ngọc chính xuất hiện trên đỉnh kế Đức Hư Không Tạng: “Vào lúc đó, nhiều người trong tập hội xung quanh Đức Thích Ca Mâu Ni đã nhìn thấy ánh sáng rực rỡ của Chintamani (nyoi-hōju) từ Đức Hư Không Tạng được bao quanh bởi vô số viên ngọc trai Shakrabhilagna (shakabiryoga), xuất hiện ở phía Tây và làm lu mờ tất cả những ánh sáng khác khác ngoại trừ ánh sáng của Đức Thích Ca Mâu Ni”. Xem thêm Tharchin và Lindmayer (2010: 51).

[F.264.b] Ánh sáng của viên ngọc báu trải rộng bàng bạc trên mọi hình thức hóa hiện khắp toàn bộ tam thiên đại thiên thế giới. Như vậy, trừ các Đấng Như Lai, thì tất cả các vị trời và người, Thanh Văn cùng Bồ Tát, cũng như các hình thức biểu hiện của các nguyên tố vĩ đại như: đất, nước, lửa và gió – mặc dù có nhiều biểu hiện nhưng đều là từ các nguyên tố vĩ đại - tất cả không chút ngoại lệ đều bị lu mờ, và chỉ có viên ngọc báu ấy là còn có thể được trông thấy. Tất cả mọi thứ xuất hiện dường như là vô hạn, vô biên, và không thể diễn tả tựa hư không. Đức Thế Tôn cũng vậy, Ngài trở nên chói lọi, sáng rõ và rạng ngời nhất.<sup>24</sup>

Thật vậy, tập hội chúng sinh thậm chí không thể nhìn thấy được chính họ hay người khác. Đối với họ, tất cả những biểu hiện thấy được của các nguyên tố vĩ đại cũng ngừng dứt và đều trở nên không thể nhìn thấy được bằng mắt thường. Họ không thể cảm nhận được thân thể, tướng trạng hay hình dạng của họ,<sup>25</sup> họ cũng không còn cả xúc giác nữa.<sup>26</sup> Bất cứ điều gì họ quan sát, dầu cho bằng cách nào quan sát, họ đều thấy là sự trống rỗng. Họ thậm chí còn không trông thấy được những tinh cầu mặt trời, mặt trăng. Các vì sao cùng các nguyên tố đất, nước, lửa, gió cũng trở

---

24 lham me lhan ne lhang nge. Sự diễn tả này nói về thân, khẩu và tâm Phật. Thân được mô tả như sự rạng rỡ; Khẩu rõ ràng và không chút mờ hồ; và Tâm là sáng ngời, tự tại, an bình và từ bi.

25 Y và P có mTshan ma, mang ý nghĩa bổ sung “giới tính một người.”

26 D đọc rig pa (tâm), P đọc reg pa (xúc chạm, cảm thọ).



nên vô hình trước mắt họ. Âm thanh không còn vang lên trong tai họ. Mùi vị không còn được thọ nhận qua khứu giác họ. Họ đã không còn tâm thức của mình cùng những sự kiện tinh thần như ý niệm “tôi”, hay đưa chúng vào thành “của tôi”, ý thức sáu căn thức cơ bản đã không phát sinh. Các nguyên tố vĩ đại cũng không thể được cảm nhận thấy. Thay vào đó, trong bất cứ phương hướng nào mà họ nhìn, trong tất cả mọi phương hướng, họ đều thấy tất cả mọi thứ như các tướng trạng, thể chất, màu sắc, hình dạng, và các thân của các Đấng Như Lai. Chỉ có ngọc báu Indranila được bao quanh bởi những viên ngọc như ý là xuất hiện ở phía xa; còn ngoài ra, không có bất cứ thứ gì là được trông thấy cả.

[F.265.a] Ở nơi đó, những vị Bồ Tát ngự ở địa thứ 10, những bậc đã đạt được định thủ lạng nghiêm, và những vị nhất sinh bổ xứ - chỉ còn một đời nữa ràng buộc trong sự hiện hữu cuối cùng của mình, là nhìn và thấy được, bởi các ngài không còn nằm trong những nghi nan, sợ hãi hay hoang mang nào, bởi các ngài đã chứng ngộ được rằng tất cả mọi hiện tượng, vạn pháp về bản chất được phú sẵn với thực tại là như thị và trống rỗng tối hậu.

Vì vậy, các vị không còn sợ hãi, nghi nan hay hoang mang nào. Các vị còn lại như các Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, các vị Thanh Văn, Chư Thiên (Deva), Long Thần (Naga), Dạ Xoa (Yaksas), Hương Thần Càn Thát Bà (Gandharvas), Bán Thần A tu la (Asura), Kim Sứy Điều (Garudas), Ca Thần Khẩn Na La

(Kinnaras), Ma Hầu La Già (Mahoragas), Cưu Bàn Trà (Kimbhandas), Nga quỷ (Pretas), Pisacas, Putanas, Kataputanas - tất cả tập hội chúng nhân và phi nhân – đều đã rất sợ hãi và tuyệt vọng. Họ bị hoang mang về những gì đã xảy ra ở đây và ở đó, và trong sự mơ hồ của mình, họ đã không thể ý thức được về nhau. Trong trạng thái đó, họ đã tự hỏi: “Điều này là gì?”, “Làm thế nào mà điều này đã xảy ra?”, Và “Bản chất của việc này là gì?”, nhưng không ai có thể tìm ra lời giải đáp.

Vào lúc đó, vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát được gọi là “*Móng Vuốt Vĩ Đại của Phạm Thiên*” đã đánh lễ xuống phía trước Đức Thế Tôn, chấp tay và nói:

*“Chúng sanh bình phàm không nhận ra  
bản tánh vạn pháp.  
Họ sống trong các thân tướng kết tập,  
và như vậy sáu căn thức đã trở nên mê muội.  
Không có một tướng kết tập  
đơn lẻ nào được thấy,  
nhưng chúng sanh bình phàm  
khái niệm hóa hình tướng kết tập.  
Do vậy, một số chúng sanh trong này  
Khởi niệm nghi nan về lời dạy của Phật.  
Họ cho rằng Đức Thế Tôn  
Đã dạy những đặc tính như thị của vạn pháp.  
Như vậy, ở đây và ở đó  
Họ đi tới nhận biết các đặc tính của hư không,  
Điều nâng đỡ như nền tảng mọi sự.  
Đây đích thực là sự thăng bằng quả cảm,*

[F.265.b] một trạng thái không thể được mô tả.

"Một viên ngọc như ý quý giá nhất  
Ngự trên đỉnh đầu của Ngài.  
Những người linh nhận được  
một viên ngọc bảo Indranila từ xa  
là những chúng sinh rất may mắn:  
họ sẽ viên mãn đắc định thủ lãng nghiêm.

"Tất cả những ai đã tới để thấy  
Bậc Thầy thông tuệ thực sự.  
Hôm nay ở nơi này, một bài pháp thâm sâu  
chắc chắn sẽ được tuyên thuyết.

"O Hỡi Đức Thế Tôn, xin ban sự thỏa lòng  
cho chúng sinh, những người đã đến đây.  
Xin đưa họ tới sự trưởng thành trọn vẹn  
là lĩnh vực những bậc anh hùng hoạt động."

Đức Thế Tôn đáp:

"Đúng như ông đã nói.  
Nơi mọi nền tảng được thấy, nghe  
và ở đâu, với trí tuệ, chúng sinh được kiến lập,  
thì nơi đó là lĩnh vực hoạt động của thiền định.

"Đây là lĩnh vực hoạt động  
của Bồ Tát Hư Không Tạng  
Bậc đã minh chứng cho sự thiền định  
tự do khỏi hình tướng và sự tăng trưởng

*"Bất kỳ ai bị chấp chặt vào 2 quan điểm sau đó sẽ ở trong một cõi giới mê hoặc. Sự dính mắc vào chủ nghĩa vĩnh cửu và hư vô là hoàn toàn mê lầm về ở đây và ở đó.*

*"Những ai muốn tự giải phóng bản thân mình hoàn toàn thoát khỏi cả 2 quan điểm nên suy niệm rằng đó là cái không thể diễn tả, nhờ đó mau chóng đạt được các địa.*

“Hãy lắng nghe, O hỡi những người đồng hành, với những bậc Bồ Tát Ma Ha Tát là những người sơ phát tâm, một người phải giải thích sáu sự toàn thiện (lục độ ba la mật) với một điểm tham chiếu, với quan kiến cho rằng cái như thị là có thể diễn tả được.

Như thế, họ phải hiểu được bản tánh của các nguyên tố vĩ đại là sinh và diệt. Rồi sau đó, họ nên quen thuộc với ý tưởng rằng mọi hiện tượng vạn pháp trong bản chất thì không thể diễn tả được, không sinh, không diệt, không thể nhận biết và không hiện hữu trong cách thể mong manh nhất.

“Như vậy họ sẽ dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa vĩnh cửu và chủ nghĩa hư vô, và họ sẽ không ở trong tất cả mọi sự sợ hãi hay hoang mang nào. Một khi họ đã ngừng dứt liên hệ đến các hiện tượng với sự dính mắc, [F.266.a] họ sẽ nhanh chóng hoàn thiện sáu ba la mật và từ đó trở đi không còn trong cả chủ nghĩa vĩnh cửu hay chủ nghĩa hư vô nữa”

Ngay sau khi Đức Thế Tôn dứt lời, tất cả hội chúng trong đoàn tùy tùng đã thấy được những biểu hiện giống như cách họ đã được thấy, được nghe, được hiểu, và được biết đến như trước đây. Liên ngay sau đó mở rộng cánh tay phải của mình, Đức Thế Tôn tuyên thuyết:

“Sự thiên định của Bồ Tát Ma Ha Ha Tát Hư Không Tạng thì tựa như một đại dương. Sự tu tập của vị Bồ Tát này thì tựa như núi Tu Di, trí tuệ nguyên sơ của Ngài thì tựa như không gian bao la, sinh lực của Ngài thì tựa như gió, và sự bao dung độ lượng, khổ hạnh của Ngài thì tựa như một chày kim cương. Ngài giống như một ngọn cờ chiến thắng vô thượng giữa tất cả các vị Bồ Tát. Đối với những kẻ du hành tới niết bàn, Ngài giống như một bậc thủ lĩnh đầu đoàn. Ngài giống như một kho tàng của mọi gốc rễ đức hạnh. Đối với tất cả những người đau khổ, Ngài giống như một chiếc bình ban điều ước; Với những người chìm trong bóng tối, Ngài giống như mặt trời; Với những người đã lầm đường lạc lối, Ngài như mặt trăng; Với sự sợ hãi, Ngài giống như núi Tu Di; Với những người khốn khổ nặng nề bởi các loại tật bệnh não phiền, Ngài giống như một liều thuốc chữa lành; Với những người đã cắt đứt gốc rễ đức hạnh và bị sa ngã, Ngài giống như một cây gậy chống. Đối với những người kiếm sống bằng nghề dệt tràng hoa, Ngài giống như một bông hoa; Đối với những người mê tâm tới những thế nguyện, Ngài giống như một tấm gương; Với những người có tâm và khiêm nhường, Ngài giống như y phục; Với những lãng

khách tới niết bàn, Ngài như một cây cầu bắc ngang; Với những người thám hiểm bờ bên kia, Ngài giống như một du thuyền; Với những kẻ du hành tới các cõi giới cao hơn, Ngài giống như một bậc thang. Đối với những ai bị lãng mạ và vu khống, Ngài giống như một tán cái (ô, dù); Với những ai phải đối mặt với sự chống đối, Ngài giống như một mảnh sù; Với những cơn mưa, Ngài giống như nước; Với những người tranh đấu chống lại Mara (Ma Vương), Ngài giống như hộ giáp; Với những người đã vi phạm giới luật, Ngài giống như sự khai thị - mở rộng nhãn quan cho họ; Với tất cả mọi thu hoạch gốc rễ của đức hạnh, Ngài giống như mặt đất.

[F.266.b] Đối với người bệnh, Ngài giống như một y sĩ; Với những người đói kém, Ngài giống như ngũ cốc; Với những người khát khô, Ngài như một tinh thể nước pha lê trong veo;<sup>27</sup> Với những người kiệt sức, Ngài giống như một chốn ngơi nghỉ; Với những người ở trong thiền định, Ngài giống như một thấu kính lửa;<sup>28</sup> Với những người đã bước vào con đường dẫn đến giác ngộ, Ngài giống như một cỗ xe; Với những người đang chơi đùa trong những vườn hoa, Ngài giống như một chiếc hồ; Với những người nỗ lực hướng tới sự giác ngộ, Ngài giống như một xâu chuỗi hạt. Ngài xuất hiện như thế.

---

<sup>27</sup> Một loại đá huyền diệu có năng lực sản sinh ra nước hay mưa.

<sup>28</sup> Một thấu kính lửa (Tib. *Me shel*) hội tụ các tia sáng mặt trời để tạo ra lửa, giống như sự thiền định mạnh mẽ được sử dụng để đạt được sức mạnh siêu nhiên, như năng lực thấu thị.

“Vị thiện nam tử này thì giống như hoa trái của những điều toàn hảo, như một viên ngọc như ý cho những ai ở địa thứ 10, như một cây như ý cho những ai đã đạt được định thủ lăng nghiêm. Đối với tất cả những ai dẫn thân vào những tà kiến, Ngài giống như một vũ khí vì Ngài chặt đứt; Với những chúng sinh khổ não vướng mắc vào những khuynh hướng tiềm ẩn, Ngài như một chày kim cương vì Ngài chiến thắng và ma quỷ không thể đánh bại Ngài. Đối với phương tiện thiện xảo, Ngài là thước đo thời gian;<sup>29</sup> Với trí tuệ nguyên sơ, Ngài là giác tánh thấu suốt. Đối với toàn thể Phật pháp, Ngài là trú xứ nương tựa; Với các vị Độc Giác Bích Chi Phật (Pratyekas), Ngài như một tràng hoa; Với tất cả các Thanh Văn, Ngài như pháp y; Với các vị chư thiên, Ngài như con mắt; Đối với loài người, Ngài như một đạo lộ; Với những chúng sinh trong cảnh giới súc sinh, Ngài là một nơi trú ẩn; Với các ngạ quỷ, Ngài là một sự nâng đỡ; Với chúng sinh địa ngục, Ngài là một bậc thủ hộ. Đối với những chúng sinh thọ nhận đóng góp, Ngài biến thành một thùng chứa; Với các Bồ Tát, Ngài biến thành một cỗ xe. Đối với tất cả các Đức Như Lai, A La Hán, Chư Phật viên mãn trong ba thời, vị thiện nam tử này giống như một vị nhiếp chính đại thần. Ngài là một bậc trấn giữ cánh cổng của thành trì Giáo Pháp. Vị thiện nam tử này sở hữu trí tuệ nguyên sơ của chư Phật viên mãn với tất cả những trang hoàng, bao gồm 18 phẩm chất tuyệt hảo độc nhất vô nhị cho một vị Phật.

---

<sup>29</sup> Điều này thường đề cập đến số ngày âm lịch trong một tháng.

Vị thiện nam tử này là một bậc mà tất cả chúng sinh, trừ các Đấng Như Lai, nên thờ phượng với từng sự cúng dường vô thượng. Vì vậy, tất cả các vị, những người đã vân tập ở đây lúc này nên đón nhận Ngài. [F.267.a]

“Hãy dùng từng thể cách thờ phượng và tôn kính, hãy tôn vinh Ngài nhiều nhất mà các vị có thể với những lọng báu, dải lụa chiến thắng, cờ, hoa, hương, vòng hoa, dầu thơm, thiên y, đồ trang sức, và những bình chứa đủ loại. Hãy vinh danh, tôn kính và kính ngưỡng Ngài! Hãy làm sạch con đường của Ngài, tô điểm, trang hoàng cho Ngài với những trang sức, và hãy tán thán, ngợi khen Ngài trong nhiều thể cách khác nhau. Tất cả các vị rồi cũng sẽ có được những phẩm tánh tuyệt hảo như Ngài, và không bao lâu sau trở thành những bình chứa như Ngài.”

Tất cả trong hội chúng không chút ngoại lệ sau đó đều đứng lên từ chỗ ngồi của mình và hướng về phía Đức Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng xuất hiện. Với tâm hoan hỷ khôn xiết, khuôn mặt vui tươi chói ngời nụ cười hạnh phúc, với đôi mắt đầy sùng mộ, họ đứng trang nghiêm chấp tay lại và nhìn đăm đăm vào Ngài. Trong hội chúng đó là các vị Bồ Tát Ma Ha Tát cùng các vị Thanh Văn, Vua Trời, Long Vương, Dạ Xoa Vương, Càn Thát Bà Vương, A Tu La Vương, Kim Sứy Điều Vương, Khẩn Na La Vương, Ma Hầu La Già Vương, và những vị ẩn sĩ sở hữu ngũ thông. Tất cả trong số họ đã cùng nghĩ như



vậy, “Loại thể hiện siêu phàm, tráng lệ nào mà chúng tôi sẽ chuẩn bị để vinh danh Ngài đây?”

Vào giây phút ấy, Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng hóa hiện ra phật quốc này, thế giới saha (ta bà), như được làm hoàn toàn từ bảy báu. Thế gian mềm mại với những ngọn núi, cao nguyên, núi đá, hang động, khe núi, vực sâu, bãi cỏ, tường, đất, bụi gai, mùi hôi thúi, và v.v..., đều mềm mịn như lòng bàn tay. Ngài hóa hiện ra những giai điệu được xướng lên bởi những hương thần càn thất bà vinh quang; [F.267.b] cùng tất cả mọi loại cây được làm bằng bảy báu, mang hương thơm trái ngọt, lá hoa kỳ diệu. Ngài cũng khiến cho tất cả các loại cây, cỏ, gỗ khô, lá, tất cả mọi thứ trên mặt đất đều xuất hiện như thể được làm từ bảy báu.

Hơn nữa, Ngài đã hoàn toàn chữa lành những bệnh tật của toàn bộ thế giới saha. Ngài làm an dịu tất cả mọi khổ đau của chúng sinh địa ngục, và những chúng sinh trong cảnh giới súc sinh, trong thế giới của Thần Chết Yama. Những chúng sanh này nhận được đồ ăn, thức uống, quần áo, Pháp y cùng những món trang sức....Vào lúc ấy, mong muốn của tất cả chúng sanh trong thế giới saha đều được hoàn toàn viên mãn.

Họ được sở hữu thân thể tốt lành, vẻ đẹp quyến rũ, làn da tuyệt hảo, và tứ chi đầy đủ. Sự rạng rỡ, tươi sáng của một khối cầu phát sáng, không chút bụi mờ, làm họ thậm chí còn đẹp đẽ hơn. Họ được giải

thoát khỏi những phiền não, tâm thức họ rất điềm tĩnh, hướng về từng loại đức hạnh, và tín tâm vào Tam Bảo ngày càng sâu sắc.

Tiếp đó, Ngài hóa hiện ra những viên ngọc báu ở trong tay của tất cả những chúng sinh có mặt ở hội chúng này, mỗi viên ngọc lại tỏa ra những tia sáng riêng. Toàn bộ cõi giới của thế giới saha hoàn toàn được tràn ngập bởi những ánh sáng vĩ đại. Những loại âm thanh du dương khác nhau cũng phát ra từ những đồ trang sức như một cơn mưa vô số trên bảo đồ ào xuống. Những trận mưa y phục tốt, đồ trang sức, hoa, hương, vòng hoa, lọng che, bình báu cùng các loại hoa trái khác nhau[F.268.a] cũng đổ ào xuống. Ngài tạo ra những hóa hiện gồm những bộ thiên y, Pháp y, chỉ bằng vàng ròng, vòng ngọc trai; hoa sen, hoa utpala, hoa nhài, hoa sen trắng; những cây Urugasala, gỗ đàn hương tim rần, lá cây tamala, và bột gỗ đàn hương trắng rải dọc theo con đường.

Trên cả hai bên đường, phải và trái, Ngài tạo ra những hóa hiện với những cung điện giống như cung điện của Vua Trời Indra cùng những lâu đài linh thánh được làm từ thất bảo. Trong những cung điện đó, Ngài đã hóa hiện ra vị phối ngẫu siêu phàm nhất của bậc chúa tể khao khát Kameshvara cùng đoàn tùy tùng; họ đang chơi những loại nhạc cụ du dương, vui thích được phú cho 5 phẩm chất, và họ đang tham gia vào những trò chơi, thú vui giải trí hỷ lạc khác nhau.

Ngài còn tạo ra một hóa hiện để trang hoàng bầu trời một cách tao nhã ở phía trên đỉnh đầu Đức Thế Tôn. Được làm từ những trang sức vàng bạc có khảm ngọc cùng những tràng hoa trang sức ngọc trai, rộng mênh mông vài trăm do tuần, nó giống như chiếc lọng báu với những viên ngọc quý giá linh thiêng của Vua Trời Phạm Thiên vĩ đại.

Từ những trang sức này, âm thanh những bài ca với 5 phẩm chất du dương, thậm chí còn có cả những loại điệu âm lung linh hơn cả âm nhạc cõi trời cũng được tấu lên. Cỏ cây, hoa lá, rừng rú, quả trái, cùng tất cả mọi thứ trên cõi đất, cũng phát ra âm nhạc hảo hạng với 5 phẩm chất, thậm chí cả những âm thanh vi diệu hơn cả âm nhạc cõi trời, mà từ đó những lời tán thán, ngợi ca được trỗi lên. Bất kỳ ai nghe thấy những âm thanh này sẽ không bao giờ quay lưng lại với con đường đạt giác ngộ viên mãn trọn hảo.

Khi hội chúng chứng kiến sự thị hiện choáng ngợp này của Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng, toàn bộ chúng hội đều đã có những thể nghiệm tuyệt vời và vi diệu nhất. Họ đã tự hỏi, "Làm thế nào chúng ta sẽ sắp xếp chỗ ngồi của bậc linh thánh này trong sự hiện diện của Đức Thế Tôn đây?"

Vào ngay lúc đó, một bông hoa sen xuất hiện ở phía trước Đức Thế Tôn. Được làm bằng trân bảo, nó có thân cuống bằng bạc, lá bằng vàng, [F.268.b] lõi bằng ngọc lục bảo và nhụy hoa bằng ánh sáng thạch bảo của Vua Trời Phạm Thiên (Brahma). Chiều rộng

của nó khoảng một krośa. Vô số tòa ngòì hoa sen nổi lên ở phía trước và xung quanh nó. Trên hoa sen, Đức Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng xuất hiện, ngòì trong thế kiết già. Trên vương miện của Ngài có một viên ngọc báu. Tương tự như vậy, vô số những vị Bồ Tát Ma Ha Tát, những quyến thuộc của Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng xuất hiện. Ngự trên đài sen của riêng mình, họ chìm trong đại định thủ lãng nghiêm. Mỗi vị được trang hoàng bằng một viên ngọc báu Indranila.

Bồ Tát Ma Ha Tát Di Lặc (Maitreya) đã nói với Bồ Tát Ma Ha Tát Dược Vương (Bhaisajjaraja):

*“Tất cả các vị Bồ Tát lừng lẫy vĩ đại khi tới,  
Đều trước tiên đánh lễ một cách tôn nghiêm  
và rồi sau đó họ mới nhận lấy chón an tọa.  
Nhưng khi bậc vĩ đại này tới  
và thực hiện sự phô diễn chói ngợp của mình,  
Ngài đã xuất hiện ngự trên tòa ngòì của mình  
mà không cần phải lễ lạy Đức Phật.”*

Đức Dược Vương trả lời:

*“Chúng ta thấy rằng bậc vĩ đại này  
An trụ tuyệt hảo trong Phật Pháp.  
Vì Ngài đã không trong niệm tưởng lan man,  
chúng ta không thấy Ngài là một chúng sinh.”*

Bồ Tát Di Lặc hỏi:

*“Vì Ngài an trú trong thực tại tối hậu,  
Chúng ta không thấy Ngài như một chúng sinh.  
Nếu là như vậy, điều gì đã khiến Ngài  
hiển lộ sự phô diễn vĩ đại này?  
Tôi đang bị ảnh hưởng bởi những nghi nan:  
xin hãy giải thích thêm”!*

Lúc này, Đức Dược Vương đáp:

*“Chúng sanh chưa trưởng thành không hiểu được  
thực tại tối hậu; thể nghiệm của họ  
là một cấu trúc tinh thần hoàn chỉnh.  
Đây là một pháp môn của đáng anh hùng  
Điều sẽ đưa những chúng sinh này  
đến sự trưởng thành.  
Nhờ phương tiện của thực tại tối hậu  
Những chúng sinh đau khổ  
sẽ được hoàn toàn giải thoát.  
Với hội kết này, [F.269.a] nhờ phương tiện  
của chân lý tương đối, những bậc thiện xảo  
hóa hiện những phô diễn như vậy ở đây.”*

Đức Thế Tôn lúc này nói với Bồ Tát Ma Ha Tát Dược Vương, “Những gì ông nói quả là vậy, thực sự quả là vậy. Chính xác như những gì ông nói, hỡi thánh giả! Tuy nhiên nhiều chúng sinh bình phàm, chưa trưởng thành có thể có những người trong số họ chưa hiểu được cảnh giới thể nghiệm, thực hành, hay giải thoát của dòng chảy thể nhập (Quả vị Tu Đà

Hoàn hay Dự Lưu, một trong 4 thánh quả của Phật Giáo Nguyên Thủy, quả vị này đã bắt đầu kiến tánh và còn 7 lần trở lại sinh tử nữa). Hãy hình dung rằng tất cả chúng sinh đã trở nên thể nhập dòng chảy của Quả vị Tu Đà Hoàn Dự Lưu. Thì thậm chí sau đó, không ai trong số họ sẽ hiểu được cảnh giới thể nghiệm, thực hành, hay giải thoát của bậc chỉ còn một lần trở lại (Tu Đà Hàm). Tương tự như vậy, một bậc Tu Đà Hàm sẽ không hiểu được một vị A Na Hàm (bậc không còn trở lại sinh tử), và một bậc A Na Hàm sẽ không hiểu được một vị A La Hán, và một vị A La Hán sẽ không hiểu được một vị Duyên Giác. Thậm chí nếu tất cả chúng sinh đã trở thành một bậc Duyên Giác, bậc ở trong đơn độc như loài tê giác, thì không ai trong số họ sẽ hiểu được cảnh giới thể nghiệm của dù là một vị Bồ Tát, những bậc đã đạt được sự chấp nhận rằng vạn pháp thì không sinh khởi, cũng không sự giải thoát của tôi, không sự phân tích của tôi về thực tại tối hậu, hay không sự thực hành của tôi đưa chúng sinh tới sự hoàn thành trưởng dưỡng tâm linh. Hãy hình dung rằng tất cả chúng sinh đã đạt được sự chấp nhận rằng vạn pháp thì không sinh khởi. Tuy vậy, không phải ai trong số họ cũng sẽ hiểu được cảnh giới thể nghiệm dù chỉ là của một vị Bồ Tát đã chứng ngộ được diệu quan sát trí (giác tánh phân biệt) và đạt được định thủ lăng nghiêm; họ sẽ cũng không hiểu được nguyên lực, hay năng lực chuyển hóa thực tại tối hậu từ sự khai ngộ chân lý của các vị ở tầng chứng ngộ trên.

“Vô số đại kiếp trước đây, vị trưởng tử của dòng dõi tôn quý này, Đức Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng đã đạt được sự chấp nhận rằng vạn pháp thì không sinh khởi, Ngài đã đạt được diệu quan sát trí, và định thủ lãng nghiêm. Nhờ vậy, Ngài biết được tâm tính và những khuynh hướng tiềm ẩn của chúng sinh hiện đang có mặt tại hội chúng vĩ đại của Ta. [F.269.b] Thật vậy, một số chúng sinh đã đến đây vì sự hiển lộ vĩ đại. Để quán sát sự thiên định và một sự hiển lộ vĩ đại, một người cần phải an trụ trên cấp độ tự do, giải thoát khỏi dính mắc, bám chấp. Vị trưởng tử của dòng dõi tôn quý đã không xuất hiện theo cách này tới những chúng sinh ấy, mà thay vì đến từ phương tây đi tới nơi này và hiển lộ sự thiên định cùng trí tuệ siêu nhiên ý thức nền tảng của các vị Thanh Văn, Duyên Giác, và của chúng sinh phi thường của không gian bao la như hư không vô tận.

“Những chúng sinh bình phàm, tuy nhiên đã trở nên chán nản, ngã lòng, vì vậy sau đó Ngài đã hiển bày một sự hiển lộ phô diễn vĩ đại, được tạo ra trên cấp độ của chân lý tương đối, nhằm mang tất cả chúng sinh tới sự trưởng thành trọn vẹn. Ngài cũng thị hiện một sự phô diễn vĩ đại của thiên định. Nếu vị thiện nam tử này đã hóa hiện một sự hiển lộ và phô diễn thực tại tối hậu bất sinh, thì sau đó những chúng dân của thế giới, gồm cả các vị thiên, sẽ có thể trở nên bồi rói và nhiễm ô.

Vì ngay cả các vị Bồ Tát đang ngự trên các địa lên tới Đệ Bát Địa cũng có thể trở nên nhiễm ô, và chính

họ cũng không có năng lực thị hiện, phô diễn cảnh giới thể nghiệm cùng những phẩm tánh khác biệt, đặc trưng của Đức Hư Không Tạng như thế. Vì thế, Ngài vẫn trụ lại trong những phẩm tánh của Giáo Pháp sâu sa.

“Vị thiện nam tử này an trụ trong sự thấu suốt của phương tiện thiện xảo. Ngài sở hữu mọi phẩm tánh bao la như đại dương của một vị Phật, không chút nghi ngờ, và là một bậc thông tuệ, bậc đã không cần phải phụ thuộc vào trí tuệ của người khác nữa. Ngài giống như ngọn cờ chiến thắng vô thượng – pháp khí thích hợp cho một vị vua của tất cả chư Bồ Tát.

“Vị trưởng tử của dòng dõi tôn quý này, Đức Bồ Tát Hư Không Tạng, hiển bày cho tất cả chúng sinh con đường tái sinh trong các cõi cao hơn và tới sự giải thoát. Ngài giải thoát trọn vẹn cho họ khỏi những tật bệnh não phiền, và Ngài chữa lành những độc dược của thân thể, những căn bệnh có nguồn gốc từ tứ đại. Ngay cả với những chúng sinh đau khổ trong những nơi hoang dã của sinh tử luân hồi, đã bị ô nhiễm bởi những tà kiến và không biết đến phương tiện để đạt tới những cảnh giới cao hơn và sự giải thoát thì họ có thể gọi tên của Đức Bồ Tát Hư Không Tạng, đánh lễ, bày tỏ sự tôn kính, [F .270.a] và cúng dường nước thơm và hương trầm tới Ngài. Và bậc trưởng tử của dòng dõi tôn quý này sẽ quán xét tâm tính cùng những khuynh hướng tiềm ẩn của họ, làm thế nào mà họ đã bị ảnh hưởng bởi những quan kiến khổ não, và làm thế nào họ đã tạo ra những gốc rễ đức



hạnh trong quá khứ, và Ngài hiểu rõ cách làm thế nào để đào luyện tâm thức cho họ. Ngài dạy họ cách tạo ra gốc rễ đức hạnh đối với Phật, Pháp, Tăng, hoặc bất cứ đặc tính xứng đáng nào mang bản chất của bồ thí, trì giới, thiền định, hay bất kỳ điều gì phù hợp...

Dù trong mơ hoặc trong lúc thức, trong tất cả các cách này, bậc thiện xảo chỉ dạy con đường trực tiếp cùng các pháp môn trực diện giản đơn. Những pháp môn này nhanh chóng giải thoát chúng sinh ra khỏi những quan điểm và hành động tiêu cực, ra khỏi những ý niệm bất thiện, ra khỏi những đối tượng quy y sai lạc, và ra khỏi một tâm thức dán thân vào sự tiêu cực.

“Chắc chắn rằng những hành động về thân, khẩu và ý của họ sẽ trở nên liêm chính, ngay thẳng, những nguyện vọng của họ sẽ trở nên trung thực, và họ sẽ đi theo một người bạn tâm linh chính trực. Họ sẽ nhanh chóng được giải thoát khỏi những nhiệm ô tinh thần phiền não cùng những tà kiến.

Tất cả mọi con đường bất thiện dẫn đến những cõi thấp sẽ nhanh chóng được tịnh hóa nhờ năng lực của những khát ngưỡng cùng các hoạt động đức hạnh tuyệt hảo. Ngài cũng chỉ dạy các pháp môn cho phép chúng sinh nhanh chóng giành quyền kiểm soát lên tâm thức của chính mình và an trụ trong sự từ mãn sâu sắc.

“Nếu những chúng sinh ấy đang bị khổ não vì các loại bệnh tật khác nhau về thể chất, tâm trí họ bị phân tán, thị lực họ bị suy giảm, khẩu ngữ họ bị câm hoặc khuyết tật, thì họ hãy nhất tâm tụng đọc tên của Đức Bồ Tát Ma Ha Ha Tát Hư Không Tạng, xin Ngài làm an dịu bệnh tật và giúp họ đạt tới trạng thái tự do khỏi đau bệnh, [F.270.b] và nếu họ đốt hương trầm và hương nén, rồi phủ phục đánh lễ tới bậc linh thánh Hư Không Tạng, thì sau đó vị trưởng tử của dòng dõi tôn quý sẽ xuất hiện trước họ trong những giấc mơ dưới thân tướng của một vị bà la môn (brahmin), Sakra, Sri, Sarasvati, một vị vua, quan, anh hùng, y sĩ, cha, mẹ, nam hay nữ. Trong những giấc mơ, Ngài sẽ ngự trước người bệnh và hóa hiện ra bất kỳ loại dược liệu nào thích hợp cùng những phương tiện có thể làm an dịu bệnh tật của họ. Và với một lần điều trị, Ngài sẽ chữa lành mọi bệnh tật.

“Cũng như vậy, Bậc tôn quý Hư Không Tạng chỉ dạy những pháp môn phù hợp cho những ai khát khao lời khai thị hay hoặc của cải đẹp, những ai mong muốn được tụng đọc những lời cầu nguyện và nghiên cứu, những ai ở trong sự cô tịch lâu dài, những ai khát ngưỡng an trụ vững vàng trong thiên định, những ai khát ngưỡng đạt được trí tuệ, được vang danh, hoặc học công xảo minh; những người khát khao năng lực, một thân thể tốt, giàu có, thánh thiện, một đẳng cấp cao, những ai cầu con trai, hoặc một người tôi tớ; những người khát khao những phẩm tánh tốt, hoặc sự bố thí, trì giới, cùng những ba la mật (sự viên mãn, hoàn hảo) khác cho tới trí huệ;

những người mong muốn những lời ái ngữ, hòa hợp với người khác, giải thoát khỏi phiền não, hoặc đưa những người khác tới sự thực hành tất cả các ba la mật từ việc ban tặng trí huệ; những người mong muốn trường thọ, hoặc có của cải, tài sản và không bao giờ thiếu thốn tài vật; và những người mong muốn từ sự keo kiệt được trở nên được hào phóng, từ vô đạo đức trở nên đạo đức, hay từ sự biếng lười được trở nên tinh tấn. [F.271.a]. Những người này không bao giờ thiếu vắng lòng đại bi, và những người đã quán sát được tự thân mình và thực hành tâm xả đối với tất cả chúng sinh, hãy suy niệm: “*Bằng bất kỳ phương tiện cần thiết nào, tôi sẽ đặt tâm của chúng sinh trong sự giác ngộ viên mãn trọn hảo vô song, tôi sẽ đồng sự với họ bằng phương tiện thiện xảo*<sup>30</sup>, *tôi sẽ an lập họ trong mọi trạng thái tinh thần từ tứ thiên siêu việt đến lòng đại bi vĩ đại*”, và tất cả bọn họ đều nên kính ngưỡng, đánh lễ tới Đức Bồ Tát Hư Không Tạng.

“Ở một nơi xa xôi hẻo lánh, hoặc ở những vùng đồng bằng rộng lớn, hoặc ở nơi không được che chở, họ nên thấp hương trầm và hương nén vào những thời khắc đặc biệt. Chắp tay lại, họ nên lễ lạy với ngũ chi<sup>31</sup> trong các phương chính và phụ, rồi trì tụng những câu thần chú này:

---

<sup>30</sup> Từ, bi, hỷ, xả.

<sup>31</sup> Trong Phật giáo, đầu được coi là cơ quan cao thượng nhất, những chi khác là tay và chân.

*Tadyatha: / Sumrisa / Sumrisa /  
 Karu-nika / Cara-Cara / Vi-cara /  
 Sam-cara / Karu-nika  
 / Mur-Mur / Vega-dhari /  
 Maca Me /Bhuja-pada /  
 Maha-Karu-nika / Cinta-mani<sup>32</sup> Pu-ra-ya  
 / Karu-nika / Sarva Same-stha-paya /  
 Aj-na-na-dhari / Sphu Gun Sphu Gun /  
 Ruti Vi-veka Gun Dri-sti Vi-veka<sup>33</sup> Gung /  
 Pu-ra-ya Karu-nika / Pura-yantu Mama /  
 Asa Sarva An-tha Ca / Asoka-gati Svaha /*

“Họ nên trì tụng thần chú này nhiều lần và sau đó đi vào giấc ngủ. Bậc tôn quý sẽ xuất hiện trong thân tướng con người, hoặc một con thú hoang, một chú chim, trong hình thức riêng của Ngài, hoặc như một thân tướng ứng với công đức, định nghiệp của họ. Hoặc Ngài sẽ dùng các pháp như dùng lời nói trong cách tương tự. Đó là pháp môn có năng lực mang hàng tỷ tỷ chúng sinh đi tới sự trưởng thành trọn vẹn. Dù cho họ có không theo bất kỳ con đường nào, hoặc thực hành con đường Thanh Văn (Sravaka), hoặc con đường Duyên Giác (Pratyekabuddha), thì trong một sát na trí tuệ và chỉ với một sự tối giản của phương tiện thiện xảo, Ngài có năng lực để đặt họ bất thoái chuyển trên con đường Đại Thừa vô song, [F.271.b] nhờ vậy kiến lập họ trong thiền định, trong

---

<sup>32</sup> sic. (có thể đọc là Chintamani)

<sup>33</sup> sic. (có thể đọc drsti-viveka)

các tông tri đà-la-ni (dharani), trong những trạng thái khác nhau của sự khổ hạnh và lên đến địa thứ mười. Điều này cho thấy Đức Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng được phú bẩm với những pháp môn, trí tuệ nguyên sơ và lòng đại bi không thể nghĩ bàn.

“Thiện nam tử, một số người có thể lãnh hội được phạm trừ hư không, nhưng không ai có thể lãnh hội được phạm trừ pháp môn và trí tuệ nguyên sơ của bậc tôn quý này, lòng bi mẫn vĩ đại của Ngài, cấp độ Ngài đã phát triển về sức mạnh của thiên định và mang chúng sinh tới sự trưởng thành trọn vẹn. Điều này cho thấy Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng sở hữu những phẩm chất bất khả tư nghị.

“Thiện nam tử, những chúng sinh không lừa dối, không giả bộ, mà tinh tấn, được phú bẩm với cái nhìn trung thực, những người không xem thường người khác và không tự khen ngợi mình, những người đã từ bỏ sự ganh tị và tham lam, người được tự do khỏi đạo đức giả và có lòng vị tha – những chúng sinh như vậy, tất cả đều được thương yêu sâu sắc bởi bậc trưởng tử của dòng dõi tôn quý này. Ngài dạy họ phương tiện thiện xảo, trí tuệ nguyên sơ, sinh lực, và làm thế nào để giữ sự quyết tâm. Những phương tiện, trí tuệ, sinh lực, và quyết tâm này giải thoát chúng sinh khỏi những đau khổ của họ và khiến họ phát tâm nỗ lực cho giác ngộ viên mãn vô song. Hơn nữa, khi họ hồi hướng tất cả mọi gốc rễ đức hạnh đến giác ngộ, thì họ sẽ không bao giờ quay lưng lại với việc đạt được trạng thái giác ngộ

viên mãn vô song. Năng lượng, sinh lực và quyết tâm lớn lao của họ sẽ trở thành sự nhiệt thành cùng quyết tâm vĩ đại cần thiết để mang sáu ba la mật tới sự viên mãn trọn hảo. Họ sẽ nhanh chóng thức tỉnh toàn bộ và hoàn hảo tới sự giác ngộ viên mãn vô song. Điều này cho thấy rằng Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng sở hữu sự xác quyết cùng những phẩm chất thiện lành không thể nghĩ bàn, và Ngài đưa tất cả chúng sinh [F.272.a] tới sự trưởng thành trọn vẹn.”

Bồ Tát Di Lặc hỏi Đức Thế Tôn, “Thưa Thế Tôn, vì đâu mà bậc trưởng tử của dòng dõi tôn quý này lại mang trên đầu Ngài - phần thiêng liêng nhất của thân thể một viên ngọc báu lấp lánh phát ra ánh sáng rực rỡ, trong khi các vị Bồ Tát khác lại không có bất kì pháp khí gì giống như thế?”

Đức Thế Tôn đáp: “Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng sở hữu lòng đại bi, Ngài làm lợi lạc chúng sinh, và giải thoát họ khỏi đau khổ. Như vậy, đối với tất cả những chúng sinh đã vi phạm một lầm lỗi gốc, những người đang bị ràng buộc vào các cõi thấp, những người đã cạn kiệt tất cả mọi gốc rễ đức hạnh – với tất cả những chúng sinh hoang mang, sợ hãi này, bậc trưởng tử của dòng dõi tôn quý này là dược liệu.

Đối với những người bị chìm đắm, ngập ngụa trong bóng tối đen như mực của vô minh và với những ai bị dày vò bởi những tà kiến, Ngài giống như mặt

trời. Ngài mang họ tới sự công khai sám hối những tội lỗi gốc; Ngài nhắc bỏ những nghi ngờ ra khỏi trái tim họ. Đối với những người trái tim đã trở nên giống như một chiếc bình bể, những người đã sa ngã, những người đã vi phạm một lỗi lầm cơ bản, những người đã phá hủy tất cả mọi phẩm chất đạo hạnh của họ, những người đang bị ràng buộc vào các cõi thấp, những người không được bảo hộ, không được hỗ trợ, những người bị bỏ rơi bởi tất cả những bậc thông tuệ – vì tất cả bọn họ, bậc trưởng tử của dòng dõi tôn quý này giống như một cây nạng chống.

Ngài chỉ đường, hiển lộ và làm sạch tất mọi hành động tiêu cực cùng mọi hoen ố. Ngài dẫn chúng sinh ra khỏi con đường dẫn đến các cõi thấp. Ngài giống như một cỗ xe. Ngài thiết lập chúng sinh trong các cõi giới cao hơn và trong trạng thái giải thoát. Đối với tất cả chúng sinh đã bị vướng mắc vào tâm tham dục hay thù hận mãnh liệt, những kẻ ác độc, những người che giấu lỗi lầm của mình, những người tâm trí bị điên đảo bởi sự hà tiện, những người mò mẫm trong bóng tối do bị che ám cùng tội, [F.272.b] những kẻ bác bỏ nhân quả, những người nắm giữ quan điểm cho rằng người ta phải sợ hãi liên quan đến đời sau, người bất toại nguyện trong sự tích lũy của cải, và người có tâm thức không ngừng tham gia vào tất cả 10 nghiệp bất thiện, bậc trưởng tử của dòng dõi tôn quý này thực hiện tất cả mọi vai trò, từ việc đóng cửa các cõi thấp lên đến phụng sự như một cỗ xe. Ngài thiết lập những chúng sinh ấy vào

các cõi giới cao hơn và vào trong trạng thái giải thoát.

“Vi những lý do này, ngoại trừ Đấng Như Lai, Bạc A La Hán, chư Phật viên mãn trọn vẹn, còn lại toàn thế giới bao gồm cả các vị thiên, các vị thần nên tôn thờ vị trưởng tử của dòng dõi tôn quý này.”

Bồ Tát Di Lặc hỏi, “Thưa Đức Thế Tôn, chúng sanh bị nhiễm ô bởi một vi phạm gốc làm mất đi gốc rễ đức hạnh và bị ràng buộc vào các cõi thấp. Họ đang ở trong một trạng thái vi phạm và sẽ bị tước bỏ mọi hạnh phúc của trời và người. Tuy nhiên, vị thiện nam tử này lại mang những chúng sinh tới sự hoàn thành an lạc của các cõi giới cao hơn và giải thoát. Vậy những vi phạm cụ thể là gì?”

Đức Thế Tôn đáp, “Này thiện nam tử, có 5 tội lỗi gốc cho một ksatriya (vua chúa) – những người đã được ban cho vương quyền. Do vi phạm bất kỳ tội lỗi nào của vi phạm gốc này, một ksatriya sẽ đánh mất tất cả gốc rễ đức hạnh đã tạo ra trước đó, và sẽ ở trong tình huống vi phạm. Một ksatriya như vậy sẽ mất đi tất cả hạnh phúc của trời và người, và sẽ đi đến các cõi thấp.

“5 tội lỗi này là gì? Thiện nam tử, đối với một ksatriya mà lấy cắp đồ vật từ một nơi thờ phượng, đồ đánh cắp đó đã được cúng dường cho Tăng Đoàn địa phương hoặc Tăng Đoàn bốn phương, hoặc xúi giục người khác đánh cắp nó: Điều này cấu thành sự vi



phạm gốc đầu tiên. Ép buộc một ai đó từ bỏ Pháp, dù cho đó là những giáo pháp về sự giải thoát hữu hạn của các vị Thanh Văn, Duyên Giác, hoặc các pháp Đại Thừa, cũng như tạo ra những trở ngại cho những giáo lý, hoặc che giấu chúng: [F.273.a] Tất cả điều này cấu thành sự vi phạm gốc thứ hai.

“Dùng vũ lực lột bỏ cà sa tu sĩ vì lợi ích cá nhân và tự mặc áo cà sa - dù các tu sĩ đó có giữ giới hay không, dù cho họ có quán chiếu giới luật hay không, thì như vậy đã khiến họ trở thành những người tại gia; Hành hạ, trừng phạt họ, bỏ tù hay sát hại họ: Tất cả những điều này cấu thành sự vi phạm gốc thứ ba.

“Hơn nữa, một ksatriya vi phạm vi phạm gốc thứ tư với bất kỳ một trong những hành động ngũ nghịch nào sau đây: Cố ý giết mẹ, giết cha mình, hay giết một vị Thanh Văn, một vị A La Hán, hoặc một vị Phật; Chia rẽ Tăng Đoàn; Hoặc cố ý và có ý định tiêu cực làm tổn hại tới một Đấng Như Lai, A La Hán, Phật viên mãn trọn hảo khiến Ngài đổ máu.

“Hơn nữa, nếu một ksatriya chủ trương triết lý không tồn tại nhân quả, người đó phủ nhận sự tồn tại sự sống trong tương lai, dẫn thân vào mười con đường hành động bất thiện, và cũng gây ảnh hưởng khiến cho nhiều người khác đi theo mười con đường hành động bất thiện, thao túng họ, khuyến khích họ và đẩy họ vào những con đường này: Thì những hành động này tạo thành sự vi phạm gốc thứ năm.

“Thiện nam tử, nếu một ksatriya vi phạm bất kỳ năm tội lỗi gốc này, người ksatriya này sẽ bị mất tất cả gốc rễ đức hạnh đã tạo ra trước đó. Họ sẽ ở trong tình trạng vi phạm. Một ksatriya như vậy sẽ bị tước bỏ mọi hạnh phúc của trời và người, và sẽ bị ràng buộc vào các cõi thấp.

“Khi điều đó xảy ra, Đức Bồ Tát Hư Không Tạng sẽ hóa hiện sự tái sinh của Ngài và xuất hiện trong một vùng đất man rợ hoặc ở một nơi nào đó khác, hóa hiện trong một số hình tướng, phục sức và hành năng của một tu sĩ, và vì những người khác Ngài sẽ trong những hình thức, phục sức và hành năng của một vị brahmin (bà la môn)

[F.273.b]. Tuy nhiên dù ở bất cứ nơi nào hóa hiện, thì Ngài sẽ giảng Pháp cho những ksatriyas như vậy. Ngài sẽ giải thích và chỉ dạy theo cách từ trước tới giờ chưa từng được nghe, chưa từng được thấy qua, đó là những chỉ dẫn của một bậc toàn giác, những kinh điển thâm sâu và sâu sắc, các tông tri đà la ni (dharani), sự khỗ hạnh, và các địa. Và nhờ điều này mà các ksatriyas sẽ trở nên hổ thẹn về những hành vi tiêu cực bất thiện trước đây của họ. Họ sẽ tự trách mình và sám hối, họ sẽ từ bỏ và tránh những hành vi tiêu cực. Họ sẽ phát triển sự nhiệt tâm lớn lao với bố thí, trì giới, thọ giới và xác quyết, và họ sẽ đạt đến những cảnh giới cao hơn.

“Này Di Lạc, những tội lỗi của một quan lại cũng là nằm trong con số 5. Năm điều này là gì? Lấy cấp từ một nơi thờ tự hoặc của Tăng Đoàn trong bốn phương được coi là sự vi phạm gốc đầu tiên của một quan lại. Phá hủy một ngôi làng, một huyện lại hay một thị trấn thì cấu thành vi phạm gốc thứ hai. Hơn nữa, đối với một quan lại, nếu buộc ai đó bỏ Pháp, dù cho đó là những giáo pháp, huấn thị về sự giải thoát hữu hạn của các vị Thanh Văn, Duyên Giác, hay là những giáo pháp chỉ dẫn về sự giải thoát rõ ràng của một bậc toàn tri, cũng như tạo ra những trở ngại cho việc giảng dạy hay giấu diếm chúng: Những điều này cấu thành sự vi phạm gốc thứ ba.

Hơn nữa, đối với một quan lại, nếu làm tổn hại đến những người đã thọ giới với Đức Thế Tôn, dù cho họ có giữ giới hay không, dù cho họ có quán chiếu giới luật hay không, hoặc bằng vũ lực lột cà sa của họ và khiến cho họ thành người tại gia; Dùng biện pháp trừng phạt, bắt giam họ hoặc tước đoạt sinh mạng của họ: Tất cả những điều này cấu thành sự vi phạm gốc thứ tư.

Cuối cùng, khi một quan lại vi phạm một hoặc nhiều trong số 5 hành động ngũ nghịch[F.274.a] thì đó là cấu thành vi phạm gốc thứ năm.

“Thiện nam tử, nếu một quan lại vi phạm bất kỳ điều nào trong 5 tội lỗi gốc thì họ sẽ mất tất cả gốc rễ đức hạnh đã tạo ra trước đó, và sẽ ở trong tình trạng vi phạm. Một quan lại như vậy sẽ bị tước đi mọi hạnh

phúc của trời và người, và sẽ đi xuống các cõi địa ngục. Sau đó, vì lợi ích của một người như vậy, Bồ Tát Hư Không Tạng sẽ được sinh ra, sống và chỉ dạy ở những vùng đất man rợ hoặc ở một nơi nào đó khác. Đối với một số chúng sinh, Ngài sẽ hóa hiện trong những hình thức, phục sức và hành vi của một tu sĩ, và với những người khác, bằng các hình thức khác và phục sức khác nhau, trong đó là có cả hình thức một người nữ trẻ, Ngài sẽ giảng dạy Phật Pháp.

“Bất kể ở đâu và trong bất kỳ hình tướng nào hóa hiện, Ngài sẽ giảng giải Phật pháp cho những vị quan lại ấy. Ngài sẽ giải thích và chỉ dạy theo cách từ trước tới giờ chưa từng được nghe, chưa từng được thấy, đó là những chỉ dẫn của một bậc toàn giác, những kinh điển thâm sâu và sâu sắc, các tông trì đà la ni (dharani), sự khỏ hạnh, và các địa. Rồi những vị quan lại ấy sẽ trở nên hổ thẹn về những hành vi tiêu cực bất thiện trước đây của mình. Họ sẽ tự trách mình và sám hối, họ sẽ từ bỏ và tránh xa những hành vi tiêu cực. Và họ sẽ hăm hở thực hành bố thí, trì giới và quyết tâm giữ vững các thệ nguyện, và họ sẽ đạt đến những cảnh giới cao hơn.

“Thiện nam tử, có 5 tội lỗi gốc với các Thanh Văn. Năm điều này là gì? Chúng là sát sinh, lấy những gì không được cho, phá giới, nói dối và gây hại hoặc làm đổ máu thân của một Đấng Như Lai. Đây là năm tội lỗi gốc.<sup>34</sup> Theo cách đã luôn được giải thích, khi

---

34 Các vi phạm gốc thứ năm gồm hai phần: phá hủy những hình tượng đại diện của một vị Phật và làm chảy máu một vị Phật.

những bậc Thanh Văn của Ta vi phạm vào một trong những vi phạm gốc, thì Bồ Tát Hư Không Tạng sẽ hóa hiện bằng cách sinh ra ở những nơi khác nhau vì lợi ích của những chúng sinh ấy. Với một số người Ngài giảng dạy trong hình thức của một tu sĩ cùng phục sức và hành năng ứng xử phù hợp, [F.274.b] và v.v..., bao gồm tất cả mọi hình thức đã nêu ở trên, và những chúng sinh ấy sẽ đạt đến những cảnh giới cao hơn.

“Có 8 tội lỗi gốc cho những thiện nam tử mới bắt đầu và đã đi vào đúng đắn trên con đường Đại Thừa. Những vi phạm gốc này gây ra sự mơ hồ, nhầm lẫn, và những người mới bắt đầu đã thể nhập chính xác vào Đại Thừa sẽ bị mất đi toàn bộ gốc rễ đức hạnh đã tạo ra trước đây của họ, và sẽ ở trong tình trạng vi phạm. Họ sẽ bị tước đi hạnh phúc của trời, người, và của Đại Thừa, họ sẽ đi xuống những cõi thấp và bị chia tách khỏi một người bạn đồng hành tâm linh, và họ bị ở lại trong vòng luân hồi sinh tử một thời gian rất dài. 8 điều đó là gì?

“Có những chúng sinh được sinh ra trong cõi thế gian phiền não của ngũ trược này vì họ đã dẫn thân vào con đường ác hạnh trong quá khứ. Họ trông dựa vào một người bạn tâm linh và lắng nghe những giáo lý Đại Thừa sâu sắc nhất nhờ gốc rễ đức hạnh nhỏ nhiệm đã sở hữu. Mặc dù làm vậy với sự hiểu biết ít, nhưng những thiện nam tử ấy ra đời vì sự khát ngưỡng tới giác ngộ viên mãn trọn hảo.

Một số vị Bồ Tát sơ phát tâm trong số họ nghe những bộ kinh điển trình bày về tánh không trống rỗng thâm sâu nhất, họ truyền tải và đọc chúng. Trong sự hiện diện của những chúng sinh khác, những người hiểu biết ít như những người vừa nói ở trên nhớ lại những kinh điển này trong chi tiết lớn bằng lời nói và ý nghĩa, giống như họ đã nghe và hiểu chúng, và rồi họ dạy lại chúng cho những người khác. Khi những chúng sinh bình phàm, chưa trưởng thành ấy, những người chưa đi qua sự tu tập gian khổ nghe những bản kinh thâm sâu như thế, họ trở nên vô cùng sợ hãi và hoang mang. Vì sợ hãi, nên họ đã quay lưng lại với việc đạt giác ngộ viên mãn trọn hảo vô song và quay sang khao khát Thanh Văn Thừa. Đây là sự vi phạm gốc đầu tiên cho một vị Bồ Tát sơ phát tâm.

“Thiện nam tử, vì sự vi phạm gốc này, họ sẽ bị mất đi toàn bộ gốc rễ đức hạnh đã tạo ra trước đó. Họ sẽ ở trong tình trạng vi phạm và bị tước mất hạnh phúc của các cõi cao hơn cùng sự giải thoát. [F.275.a] Họ sẽ lầm lạc tâm Bồ đề, tâm giác ngộ của mình và đi xuống các cõi thấp.

“Nó là như vậy. Cũng giống như chẳng hạn, một người vượt đại dương lớn trong các giai đoạn, tương tự vậy, các vị Bồ Tát vào lúc ban đầu cần phải biết về những chúng sinh khác nhau cùng căn cơ với những khuynh hướng tiềm ẩn khác nhau của họ. Để phù hợp với những thiên hướng, tố chất đó, các vị Bồ Tát

sơ phát tâm khi bắt đầu phải dạy Giáo Pháp theo từng bước một.

“Bồ Tát Hư Không Tạng hóa hiện trên đời và xuất hiện ở những nơi chốn khác nhau vì lợi ích của họ. Vì vậy, nếu các vị bồ tát sơ phát tâm, những người đã phải gánh chịu một vi phạm gốc rễ như vậy và đang hoang mang bởi những cõi thấp thì khi nghe thấy tên của Đức Bồ Tát Hư Không Tạng và ước mong được thấy Ngài nhằm sám hối những lỗi lầm, thì họ nên đốt hương trầm và hương nén, chấp tay lại và xướng tên Bồ Tát Hư Không Tạng vào lúc giao nhau của bình minh (3-5h sáng, thường ở Ấn Độ là 4h sáng)

“Đã thấy những chúng sinh như vậy, bậc trưởng tử của dòng dõi tôn quý này sẽ hóa hiện trong một thân tướng phù hợp với căn cơ, nghiệp quả của họ. Như vậy, trong sự hiện diện của một số người, Ngài sẽ thị hiện trong một thân tướng bình phàm và giảng dạy Phật Pháp. Trong sự hiện diện của một số người khác, Ngài giảng sẽ dạy trong hình thức của một vị Brahmin (Bà la môn), và dưới sự hiện diện những người khác nữa thì Ngài lại có thể thị hiện dưới những thân tướng khác, kể cả trong thân tướng của một người nữ, Ngài sẽ khiến cho những vị bồ tát sơ phát tâm bộc lộ ra những vi phạm gốc của mình như chúng đã xảy ra. Ngài cũng chỉ dạy họ chuyên sâu trong phương tiện thiện xảo, đạo hạnh sâu sắc của Đại Thừa vô song. Ngài thiết lập họ trong thiên định, khổ hạnh, tổng trì đà la ni, và các địa. Kết quả là họ

sẽ hoàn toàn được giải thoát khỏi các cõi thấp và sẽ không còn quay lưng lại với việc đạt đến giác ngộ viên mãn trọn hảo vô song. Theo cách giống như kim cương, họ sẽ dựa vào lục độ ba la mật với sức mạnh to lớn cùng sự xác quyết, và họ sẽ sớm rõ ràng và hoàn toàn thức tỉnh tới sự giác ngộ viên mãn trọn hảo vô song.

“Nếu [F.275.b] Ngài không xuất hiện trực diện trước họ, thì các vị bồ tát sơ phát tâm nên thức dậy trước bình minh và cầu nguyện tới Aruna (Mặt Trời Đỏ lúc bình minh), hãy cất lên những lời này: “Aruna, O Hỡi Aruna, được phú bẩm với lòng đại bi! O Hỡi Aruna, ngay sau khi ngài mọc lên chói chang trong thế giới này, hãy ôm ấp lấy con trong lòng từ bi của ngài! Hãy chuyển những lời này của con tới đấng đại bi Hư Không Tạng: *“Xin Ngài hãy hiển lộ bản thân mình trong những giấc mơ của con để con có thể sám hối những lỗi lầm gốc của mình. Hãy dẫn dắt con để con có được đôi mắt trí tuệ vĩ đại phú bẩm với phương tiện thiện xảo của Đại Thừa cao quý.”*”

“Sau đó, họ nên quay trở lại giường để ngủ. Và như vậy, Bồ Tát Hư Không Tạng sẽ xuất hiện vào lúc giao nhau của buổi bình minh trong những giấc mơ của các vị bồ tát sơ phát tâm, những vị đã vi phạm một lỗi lầm, và với phương tiện thiện xảo vĩ đại của trí tuệ nguyên sơ, Ngài sẽ dẫn dắt họ sám hối những lỗi lầm gốc của mình.



Ngài cũng chỉ dạy trí tuệ nguyên sơ phú bẩm với phương tiện thiện xảo. Điều này cho phép các vị Bồ Tát sơ phát tâm có được sự tập trung trong thiền định, cái được gọi là sự không lãng quên tâm giác ngộ vào ngay lúc đó. Họ sẽ xác quyết an trụ theo Đại Thừa và nhanh chóng đi đến sự hoàn thành 6 ba la mật.

“Lại nữa, các bồ tát sơ phát tâm có thể nói với một số người: *“Các vị không thể dấn thân vào việc thực hành 6 ba la mật. Các vị không thể rõ ràng và hoàn toàn thức tỉnh tới sự giác ngộ viên mãn trọn hảo vô song. Vì vậy, hãy mau chóng chuyển tâm các vị tới một trong hai thừa hoặc là Thanh Văn Thừa (Shravaka) hoặc Duyên Giác Thừa (Pratyekabuddha – Bích Chi Độc Giác Phật), và các vị sẽ mau chóng được giải thoát hẳn khỏi vòng luân hồi sinh tử (samsara).”* Việc nói ra những lời này là vi phạm gốc thứ hai với một vị bồ tát sơ phát tâm.

“Lại nữa, các vị Bồ Tát sơ phát tâm có thể nói với một số người, *“Oh! Việc sử dụng thực hành luật tạng (vinaya) giải thoát cá nhân là gì?, [F.276.a] giới luật đúng, và đạo hạnh tốt ư? Các vị nên mau chóng đưa tâm mình nỗ lực vào sự giác ngộ viên mãn trọn hảo vô song và học tập Đại Thừa. Sau đó thì ngay cả những hành vi bất thiện nhỏ nhiệm nhất mà các vị đã vi phạm từ thân, khẩu, ý do những phiền não nhiễm ô sẽ được tịnh hóa, và chúng sẽ không chún mùi.”* Việc nói những lời này là vi phạm gốc thứ ba cho các vị bồ tát sơ phát tâm.

“Lại nữa, này thiện nam tử, các vị bồ tát sơ phát tâm có thể nói với một số người, “*Này thiện nam tử, hãy tránh xa những giáo lý của Thanh Văn Thừa! Đừng nghe chúng, đừng đọc chúng, và đừng dạy chúng cho người khác! Thiện nam tử, hãy tránh xa những giáo lý của Thanh Văn Thừa! Chúng là lý do khiến các vị không thể đạt được kết quả to lớn, tại sao các vị không thể diệt trừ tận gốc rễ những phiền não. Như vậy, hãy có niềm tin trong những giáo lý Đại thừa! Hãy lắng nghe Đại thừa, nghiên cứu Đại Thừa và dạy Đại Thừa cho những người khác. Như vậy các vị sẽ không phải đi đến các cõi thấp hơn, các vị sẽ không phải đi vào bất kỳ con đường nào dẫn đến những cõi thấp, và các vị sẽ mau chóng rõ ràng và hoàn toàn thức tỉnh tới sự vô giác ngộ viên mãn vô song.*”

Nếu những lời này được nói ra và người nghe hành xử theo, rồi giữ một quan điểm tương tự, thì cả hai hành động này đều phải tự gánh chịu một vi phạm gốc. Đây là vi phạm gốc thứ tư của các vị bồ tát sơ phát tâm.

“Lại nữa, các vị bồ tát sơ phát tâm lại có thể có hai phương diện không nhất quán, họ nghĩ một đằng nhưng lại tuyên bố một nẻo. Họ cũng có thể truyền bá và diễn đạt, làm thơ văn về các giáo lý Đại Thừa, và với mục đích thành tựu và danh tiếng, họ có thể tụng ca những thơ văn ấy, tụng niệm, ghi nhớ, đọc lớn và giải thích chúng, và thậm chí họ còn dạy lại cho những người khác những điều mà họ chỉ mới

đơn thuần nghe được mà thôi, họ nói, “*Tôi là một người theo Đại thừa; tuy nhiên [F.276.b] những người khác thì không.*” Vì tìm kiếm lợi lộc và danh tiếng, họ hành động một cách ích kỉ, ganh tị và trở nên buồn phiền khi những người khác được đánh giá cao và được xem trọng. Nói ra tên của những người kia, họ chê bai, lạm dụng và nói xấu về những người ấy, thay vào đó, họ ca ngợi, đề cao bản thân mình. Vì ganh tị, họ nói, “*Tôi có phẩm chất vô thượng.*”

Hành động này tạo thành một sự vi phạm và tước khỏi họ hạnh phúc của Đại Thừa. Do vậy nó được coi là một sự vi phạm rất nghiêm trọng, điều dẫn đến sự tái sinh trong các cõi thấp.

“Ở đây cũng giống như một nhóm người muốn đi đến một đảo ngọc và tìm cách vượt qua đại dương bằng tàu thuyền, nhưng tàu thuyền lại bị vỡ toang trong đại dương. Trong cùng cách này, mặc dù các vị bồ tát sơ phát tâm muốn vượt qua đại dương của Đại Thừa, nhưng họ lại phá hủy tàu thuyền của chính mình về đức tin và bị chia tách khỏi sinh lực trí tuệ khi họ nói dối vì lòng ganh tị.

Như vậy, các vị bồ tát sơ phát tâm phải gánh chịu một vi phạm rất nặng khi họ nói dối vì lòng ganh tị. Đây là vi phạm gốc thứ năm cho các bồ tát sơ phát tâm.

“Lại nữa, thiện nam tử, trong tương lai sẽ có những vị bồ tát sơ phát tâm, hoặc tại gia hoặc xuất gia, họ

sẽ đọc, niệm và tụng những bản kinh bao hàm tánh không trống rỗng thâm sâu. Những kinh điển Đại Thừa này là đối tượng thấu suốt của chư Bồ Tát chỉ cần ít nỗ lực, và họ là những bậc cực kỳ thông tuệ, được trang bị với những bài tổng trì đà la ni, sự khỗ hạnh, thiền định và các địa.

“Sau khi tụng đọc chúng, họ chỉ dạy rộng rãi những kinh điển này cho những người khác. Họ nói, *“Tôi đã hiểu những giáo lý này với trí tuệ của riêng mình; Tôi dạy chúng cho các vị theo cách này vì tôi từ bi. Vì vậy, các vị cần phải suy niệm, thiền định về Pháp môn sâu xa này để trực tiếp cảm nhận nó [F.277.a] và các vị cũng sẽ thấy được trí tuệ nguyên sơ, cũng giống như tôi đã thực hành lúc này.”* Thay vì phải phát biểu sự thật là, *“Tôi đã không thực hành Pháp thâm sâu này, tôi đã dạy nó trong khi chỉ mới đọc qua”*, họ quảng bá bản thân mình vì mục đích thu lợi và danh dự. Vì vậy, trong con mắt của bậc Như Lai, A La Hán, chư Phật viên mãn trong ba thời, các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, cùng những bậc cao quý khác, họ đã trở nên bị ô trược bởi những lỗi lầm. Một vi phạm nặng nề đã xảy ra.

Có những vị thần và con người dối gạt sử dụng Đại Thừa, sẽ không có Thanh Văn Thừa của Phật cho những vị bồ tát ấy, sẽ có mức độ giảm sút của Đại Thừa, hoặc của những chúng ngộ đặc biệt - lồi vào Đại Thừa, hay của sự giác ngộ viên mãn trọn hảo vô song.

“Cũng giống như một ai đó ra nơi cánh đồng rộng lớn hoang vu, vắng vẻ, ở đó họ bị đói, khát và cạn kiệt sức lực. Sau đó, họ tiến lại một cái cây và có ý định ăn quả trái tuyệt vời từ nó. Tuy nhiên, bỏ qua những cây trái có hương thơm tuyệt hảo và vị ngon ngọt, thay vào đó, họ lại trèo lên một cây có trái độc không hương vị và ăn trái độc của nó. Khi làm vậy, họ tự giết chết mình. Cũng vậy, một vị bồ tát sơ phát tâm đã vi phạm tội lỗi thứ 6 theo cách này.

“Vi vậy, nếu các vị bồ tát sơ phát tâm, những bậc đã đạt được một thân người khó khăn để có được này, đã được sống cùng với một người bạn tâm linh và muốn đi vào Đại Thừa, nhưng họ lại tự ca ngợi, tán dương bản thân mình và chê bai người khác vì mục đích lợi lộc, danh dự, và tiếng tăm, thì họ sẽ phải gánh chịu một sự vi phạm giới luật nghiêm trọng. Do sự vi phạm gốc này mà tất cả những bậc thông tuệ sẽ mạnh mẽ chỉ trích họ và họ sẽ đi đến các cõi thấp. Không có vị ksatriya (vua chúa), brahmin (tu sĩ bà la môn), vaisya (thương nhân), hoặc sudra (thường dân) nào sẽ trông dựa vào một người như vậy. Bất cứ ai nương dựa vào một người như vậy thì chắc chắn đó là người không khôn ngoan. Điều này, một lần nữa, là sự vi phạm gốc thứ sáu cho các vị bồ tát sơ phát tâm.

“Lại nữa, thiện nam tử, trong tương lai các vị ksatriyas sẽ có những kẻ cố vấn<sup>35</sup> đáng hổ thẹn<sup>36</sup> cùng các vị quan lại, binh lính thấp hèn [F.277.b], họ sẽ có những y sĩ giàu mạnh và ngu ngốc tự mãn về khả năng của mình. Nhìn thì giống như họ tham gia vào nhiều việc công đức bố thí, nhưng họ sẽ trở nên tự mãn và kiêu căng với sự bố thí của mình. Từ sự kiêu căng và ngạo mạn, họ sẽ gây chia rẽ bên trong các ksatriyas (vua chúa, tộc trưởng), cũng như gây sự chia tách giữa các tu sĩ và các ksatriyas. Được bảo trợ bởi các ksatriyas, họ thậm chí có thể trừng phạt các tu sĩ, bóc lột các tu sĩ bằng cách áp đặt những khoản tiền phạt. Như vậy, bị đối xử bất công, sai trái, các tu sĩ sẽ ăn cắp từ bất kỳ cá nhân, Tăng Đoàn địa phương, Tăng Đoàn trong bốn phương nào, và ở bất cứ nơi thờ tự nào có thể lấy cắp được, rồi đưa ra những gì họ đã đánh cướp được để trả tiền phạt. Và những kẻ hèn hạ sẽ dâng nộp ngược trở lại những thứ này tới các ksatriyas. Cả hai hành động này đều trở thành những tội lỗi gốc. Đây là sự vi phạm gốc thứ bảy.

“Lại nữa, những ksatriyas ô trược cùng với các tu sĩ phạm lỗi làm sau đây. Họ tuyên bố Pháp thuận tịnh

---

<sup>35</sup> Tib. *phyag dar ba*. Shikhsasamuccaya của ngài Shantideva trích đoạn này từ Kinh Hu Không Tạng. *phyag dar ba* chuyển ngữ từ chữ Phạn *candala*, nghĩa là nói chung “kẻ bị ruồng bỏ, người có giá trị thấp nhất,” Theo Monier-Williams nó cũng có thể có nghĩa là “một đại diện rất thấp kém” (xem MW 383/3).

<sup>36</sup> Tib. *mdun na 'don* (Phạn. *purohita*). Đây cũng có thể là một thầy tu tại gia

là không phải Pháp, và liên hệ thứ không phải Pháp là Pháp, do đó từ bỏ Pháp chân thực. Họ không quán chiếu những giới luật của các Kinh tạng và Luật tạng, không biết được đâu là những giáo lý đen tối, hắc ám,<sup>37</sup> đâu là những giáo lý vĩ đại. Sau khi từ bỏ sự tu tập của mình trong lòng từ ái, bi mẫn vĩ đại, và sự hoàn hảo của trí tuệ, cũng như sự tu tập của họ trong phương tiện thiện xảo cùng những tu tập được dạy trong những kinh điển khác, họ tổ chức những nhiệm vụ cho cộng đồng tu viện khiến tu viện bị tách ra khỏi các hoạt động công đức như vậy nhằm gây tổn hại cho các Tỳ Kheo (Bhiksus). Vì những nhiệm vụ đó đã được tổ chức, nên các Tỳ Kheo đều bị tổn hại. Họ từ bỏ những thực hành an trú tự tại và cái nhìn thấu suốt nội tại đặc biệt.

Những ý định tổn hại nhân lên gấp bội trong các thiên giả, như là một hệ quả, họ không thể làm an dịu những cảm xúc nhiễu loạn của mình. Vì những điều này không thuyên giảm, nên các vị Tỳ Kheo sau đó đã thoái chuyển về mục đích, giới luật, đạo hạnh, ứng xử, và quan điểm, cái thấy. Do đó, họ trở nên cầu thả, và ngày càng buông thả hơn, rồi những nguyên tắc giới đức của họ bị thoái trào. Thậm chí họ không phải là các tu sĩ, nhưng lại giả vờ mình là tu sĩ, và mặc dù không sống một cuộc đời thanh tịnh nhưng họ lại giả vờ như mình thanh sạch. [F.278.a] Giống như những con lừa, ấy thế mà họ lại dám

---

<sup>37</sup> Các giáo lý đen tối là những hệ thống quan điểm triết học và thực hành tôn giáo gây ra một sự lang thang vòng vèo liên tục trong vòng sinh tử luân hồi, ngược lại với giáo lý Phật pháp vĩ đại, giúp giải thoát khỏi ra khỏi vòng luân quần này.

giảng giải Giáo Pháp một cách rõ ràng nhất. Một khi đã có được sự tôn vinh và lòng sùng kính từ các ksatriyas cùng đoàn quyền thuộc của mình, họ nhận những cúng dường từ những thí chủ ấy, trước các gia chủ, họ chỉ trích các vị Tỳ Kheo khác là những vị tinh tấn thực hành xả bỏ. Và các ksatriyas cùng đoàn quyền thuộc của họ trở nên giận dữ với các vị Tỳ Kheo tinh tấn thực hành hạnh từ bỏ vĩ đại ấy, và họ chê bai những bậc chân tu ấy.

“Nếu những sự giàu có vật chất và hỗ trợ được dành cho những vị Tỳ Kheo tinh tấn thực hành hạnh xả bỏ lại được cúng dường cho các vị Tỳ Kheo ra sức dấn thân vào việc tụng đọc (chỉ lo cúng kiếng), thì ở điểm này, sau đó cả hai hành động<sup>38</sup> đều trở thành tội lỗi gốc. Tại sao vậy? Bởi vì các thiền sư Tỳ Kheo là linh thánh, trong khi những người chỉ tụng niệm và cố vấn cho những người khác thì không phải như vậy. Các thiền sư khát sĩ đã trở thành những bình chứa cho thiền định, tổng trì đà la ni, khổ hạnh, và các địa. Các vị ấy đã trở thành những bậc linh thánh xứng đáng thọ nhận những cúng dường; họ đã trở thành những bình chứa thiêng liêng. Họ thấp sáng thế giới và chỉ ra con đường, họ giải thoát chúng sinh ra khỏi cảnh giới nghiệp và phiền não, họ đặt chúng sinh trên con đường siêu vượt khổ đau.

“Thiện nam tử, vì không có những nghi nan liên quan đến những hành động như vậy và không sợ hệ

---

<sup>38</sup> “Cả hai hành động” dùng để chỉ những hành động của các tu sĩ cũng như của những thí chủ tài trợ.



quả, nên đây là vi phạm gốc thứ tám cho các vị bồ tát sơ phát tâm. Khi các bồ tát sơ phát tâm vi phạm những tội lỗi gốc, họ đánh mất tất cả mọi gốc rễ đức hạnh đã tạo ra trước đó. Họ đã gánh chịu một vi phạm, họ sẽ bị tước bỏ hạnh phúc của các cõi cao hơn và sự giải thoát, và họ đã lừa dối chính bản thân mình.

“Thiện nam tử, vì lợi ích của các vị bồ tát sơ phát tâm, Bồ Tát Hư Không Tạng được hóa sinh và xuất hiện ở những nơi có các vị bồ tát như thế cư ngụ. Với một số người, Ngài giảng dạy trong thân tướng của một tu sĩ với phục sức và đạo hạnh thích hợp, thị hiện cho nhiều người khác với nhiều thân tướng, hình thức, từ một vị bà la môn với phục sức và đạo hạnh phù hợp cho tới dáng vẻ và hành năng của loài vật. Với một lời luận giải rộng rãi này, chúng ta nên đọc Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Suramgama-samadhisutra).<sup>39</sup>

“Đức Hư Không Tạng dạy Phật Pháp ở những nơi chốn khác nhau tùy theo căn tính của những chúng sinh khác nhau. [F.278.b] Ngài truyền đạt những kinh điển, thiên định, khổ hạnh và các địa Bồ Tát được dạy bởi bậc toàn tri toàn giác theo cách mà trước đây chưa từng được nghe và chưa từng có. Do

---

<sup>39</sup> Phạn: *Arya-Shurangamasamadhi-nama-Mahayana-sutra*; Tib. *'phags pa dpa' bar 'gro b'i ting nge 'dzin ces bya ba theg pa chen po'i mdo*. D 132: vol. 55 (mdo sde, da) 253b5-316b6. Với bản dịch của Kinh này xem Lamotte (1998).

vậy, các vị bồ tát sơ phát tâm không biết về phương tiện thiện xảo, là những người đã phải gánh chịu tội lỗi hổ thẹn. Vì là những người tội lỗi nên họ rất hoang mang và sợ hãi. Họ sám hối tội lỗi, từ bỏ chúng và tránh xa chúng.

“Nếu, sau khi nghe tên của Đức Bồ Tát Hư Không Tạng, những chúng sinh ấy muốn thấy Ngài, và nếu, sợ rơi vào những cõi thấp, họ muốn sám hối những tội lỗi gốc, thì hãy đánh lễ Bồ Tát Hư Không Tạng, và xưng tên của Ngài, rồi sau đó, thiện nam tử, khế hợp với công đức của họ, Ngài sẽ ở trước những chúng sinh ấy như một người bình thường, hoặc ở phía trước của những vị bồ tát sơ phát tâm trong những hình thức, thân tướng khác nhau, từ một vị bà la môn cho tới một cô gái, và khiến cho họ nhận ra và sám hối những tội lỗi như chúng đã xảy ra.

“Ngài thị hiện sự thiện xảo sâu sắc trong phương tiện và chỉ cho họ thấy cách làm thế nào để dẫn thân vào Đại Thừa vô song. Trên các địa Bồ Tát khác nhau, Ngài thiết lập chúng sinh trong thiền định, đà la ni, và khổ hạnh bằng cách cho họ từng bước thực hành toàn bộ Bát Chánh Đạo. Ngài giải thoát họ hoàn toàn thoát khỏi sự sợ hãi vô bờ về những cõi thấp và thiết lập họ trên trạng thái bất thoái chuyển với sự giác ngộ viên mãn vô song. Nhanh như một tia chớp, từ đó họ trở nên rất mạnh mẽ và quyết tâm trong thực hành lục độ ba la mật. Theo cách này, họ mau chóng đi đến tỉnh thức một cách rõ ràng và hoàn toàn tới sự giác ngộ viên mãn vô song.

“Nếu Ngài không thị hiện bản thân cho họ một cách trực tiếp, thì các vị bồ tát sơ phát tâm đã cầu nguyện tới Ngài, những người đã sai lầm đường lạc lối nên thức dậy vào buổi tinh mơ bình minh, đứng xoay mặt về phía Đông, và cầu nguyện tới Aruna (Mặt Trời Đỏ), trưởng tử linh thánh, hãy cất lên những lời này: *“Aruna, O Hỡi Aruna, được phú bẩm với lòng đại bi! Đáng diễm phúc vĩ đại! [F.279.a] Ngay sau khi ngài mọc lên trong thế giới này, xin hãy ôm ấp con trong lòng từ bi của ngài! Hãy thỉnh triệu Bồ Tát Hư Không Tạng, bậc được phú bẩm với lòng đại bi, với những lời này của con: Xin thị hiện bản thân Ngài trong những giấc mơ của con để con có thể nhận ra và sám hối vi phạm của mình. Xin dẫn dắt con để con có được phương tiện và trí tuệ thiện xảo của Đại Thừa cao quý.”*

“Sau khi nói những lời này, họ nên quay trở lại giường để ngủ lại. Sau đó, vào lúc tia sáng đầu tiên của bình minh hiện lên thế giới này, Đức Bồ Tát Hư Không Tạng sẽ đến và xuất hiện trong những giấc mơ của những vị bồ tát sơ phát tâm, dưới thân tướng của một người bình thường, Ngài sẽ khiến họ nhận ra và sám hối những tội lỗi gốc của mình. Với trí tuệ nguyên sơ và phương tiện thiện xảo vĩ đại, bậc tinh thông những phương tiện và trí tuệ này sẽ mang các vị bồ tát sơ phát tâm ấy đi tới trạng thái đặc định được gọi là sự không quên lãng Bồ Đề tâm - tâm giác ngộ vào ngay lúc ấy. Họ sẽ đi tới sự an trụ, tuân thủ chặt chẽ nhờ Đại Thừa, họ sẽ mau chóng hoàn thành lục độ ba la mật, và không bao lâu sau đạt đến

một cách rõ ràng và hoàn toàn tỉnh thức tới sự giác ngộ viên mãn trọn hảo vô song. Ngài cũng sẽ dạy họ phương tiện thiện xảo và trí tuệ như vậy. Thiện nam tử, đây là lý do vì sao Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng lại mang viên ngọc như ý quý giá trên đỉnh kê - phân thiêng liêng nhất của thân thể Ngài, nó phát sinh từ sự vô úy vĩ đại. Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng được phú bẩm với những phẩm tánh tuyệt hảo không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử, nếu những chúng sinh nào đã nghe thấy tên của Bồ Tát Hư Không Tạng, đã vẽ hình Ngài hoặc cúng dường, tôn kính Ngài, sùng mộ Ngài sâu sắc, và thờ phượng, tán thán Ngài trong nhiều thể cách khác nhau với hương, hoa, vòng đeo, dầu thơm, cờ lọng, dải lụa chiến thắng, - nếu họ đánh lễ tới Ngài và thậm chí còn cúng dường sự sống của họ lên Ngài, thì rồi những chúng sinh ấy [F.279.b] sẽ không chịu nạn chết trong lửa, trong nước, cũng như họ sẽ không bị giết hại bởi nạn gươm đao, vũ khí hay độc dược.

Trừ khi sự sống của họ bị cạn kiệt một cách tự nhiên, còn lại không ai – kể cả là những chúng nhân hay phi nhân - có thể cướp đi được sinh lực sống của họ. Họ sẽ không bị chết bất đắc kỳ tử, không bị bệnh hay bị chết vì đói hoặc khát, họ cũng sẽ không bị giết hại do mệnh lệnh của một người cai trị, và phần còn lại của cuộc đời mình, họ sẽ không phải gánh chịu dù chỉ là một tội lỗi nào.

“Vào lúc lâm chung, họ sẽ không thấy các sắc tướng bằng mắt, không nghe thấy những âm thanh bằng tai, không ngửi thấy mùi hương bằng mũi, không thể nghiệm mùi vị với vị giác (lưỡi), hay các đối tượng thể nghiệm xúc giác với thân (xúc giác). Tuy nhiên, họ sẽ vẫn tiếp tục thở ra và hít vào với một hơi thở vi tế, và sinh lực, thân nhiệt cùng ý thức của họ sẽ vẫn ở lại trong thân. Vào lúc ấy, Bồ Tát Hư Không Tạng sẽ hiện lộ bản thân mình trước họ như một người bình thường. Đối với những chúng sinh mà trong các đời quá khứ đã từng tôn kính các vị tu sĩ bà la môn, thì vị trưởng tử dòng dõi tôn quý này sẽ thị hiện bản thân mình trong hình thức của một vị bà la môn. Đối với những ai tôn kính Kamesvara, Ngài sẽ thị hiện dưới thân tướng của Kamesvara. Đối với những người đã quy y và tôn kính Narayana, Mahesvara, Sakra, một Cakravartin (Chuyên Luân Thánh Vương), mặt trời, mặt trăng, Trì Quốc Thiên Vương Dhritarastra, Tăng Trưởng Thiên Vương Virudhaka, Quảng Mục Thiên Vương Virupaksa, hoặc Đa Văn Thiên Vương Vaisravana, hoặc những ai đã quy y, nương tựa vào các đối tượng khác như thần thánh, núi đá, cây cối, sông nước, ao hồ,... thì Ngài sẽ hóa hiện ứng với căn cơ, nghiệp quả của họ. Và trong hình thức khế hợp với khuynh hướng của họ, Ngài sẽ nói những lời sau đây:

*“Bất cứ ai có thể liễu ngộ được Tứ Diệu Đế  
Họ được giải thoát khỏi hiện hữu trong sinh tử.  
Do đó, những người ở trong sinh tử  
nên biết rõ cả 4 chân lý cao quý này.*

*Hiểu được những Pháp này,  
các con sẽ đạt đến những cảnh giới cao.”*

“Xuất hiện trước những chúng sinh có tín tâm mạnh mẽ vào Đức Phật, [F.280.a] Ngài sẽ thị hiện trong thân tướng của Đức Phật và nói ra những lời này:

*“Chân lý về trí tuệ nguyên sơ của Đức Phật  
Giải thoát những ai ở trong đại dương hiện hữu.  
Hãy mau chóng đạt được trí tuệ nguyên sơ đó,  
Và con sẽ được giải thoát khỏi mọi khổ đau.”*

“Vào lúc này, những chúng sinh ấy sẽ hoan hỷ và vui mừng bởi những âm thanh (từ những lời nói ấy) đã mang Đức Phật tới tâm thức họ. Sau đó, họ sẽ chết và được tái sinh trong một cõi Phật trong lành và tinh khiết, trong đó có một vị Phật Thế Tôn đang ngự, Ngài hiện diện, an trụ và giảng dạy Giáo Pháp, Những điều cao quý cũng tương tự như vậy đối với Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Điều này cho thấy Bồ Tát Hư Không Tạng được phú bẩm với những phẩm tánh tuyệt hảo không thể nghĩ bàn.

“Với những ai muốn làm chủ trọn vẹn các dạng thiên định khác nhau thì họ nên đánh lễ Đức Bồ Tát Hư Không Tạng trong suốt thời khắc bình minh và thực hiện càng nhiều cúng dường càng tốt. Thiết lập tâm thức mình trong lòng từ ái đối với tất cả chúng sinh, sau đó họ nên cất lên những lời này: *“Xin để tâm tới con, xin để tâm tới con, Hỡi Đức Bồ Tát Hư Không Tạng! Ngài đã đạt được lòng đại bi. Con cầu*

*nguyện, xin ban cho con chánh niệm và yoga nối kết  
thiền định. Như vậy là:*

***Umu-ra-na-khe / Bak-sa-ma-ni-le  
/ Sa-mudra / Ava-darena /  
Naya-naya / Maha-Karunika  
/ Anu-pama-jambha-smrti /  
Akra-jambha-smrti / Vajra-jambha-smrti  
/ Kosa-smrti / Anu-pama-smrti  
/ Bhuta-koti-smrti Svaha /***

“Với những ai tụng đọc theo cách này, Đức Hư Không Tạng sẽ ban chánh niệm tỉnh giác và dẫn lối vào thiền định.

“Những người mong muốn tham học luận lý, dù là những lời Phật thuyết hay các luận giảng từ các bậc Thanh Văn, thì trước hết nên tắm rửa thanh tịnh, sau đó đánh lễ Đức Bồ Tát Hư Không Tạng vào lúc bình minh, thực hiện càng nhiều cúng dường càng tốt, khởi tâm từ mẫn với tất cả chúng sinh, rồi cất lên những lời này: *“Xin để tâm tới con, xin để tâm tới con, hồi Bạc thông thái vĩ đại giữa tất cả chúng sinh, Đức Bồ Tát Hư Không Tạng, bậc trưởng tử tôn quý vượt ngoài tưởng niệm, Ngài là vô thượng! Cầu nguyện Ngài ban lên con những yoga của chánh niệm tỉnh giác và thiền định”* Như vậy là [F.280.b]:

*Ini-laja / Visana-dusaja  
/ Viya-vanaja / Vi-baksi-same /  
Pasa-lajasi / Sthana-sarave  
/ Sastra-karn-ne / Huma-Huma  
/ Maha-Karunika Svaha /*

“Vói những ai muốn đi vào đại dương hay các hang động lớn, hay thực hiện việc sử dụng các tinh chất thiêng liêng,<sup>40</sup> những người bị tù đày, chia ly khỏi thân quyến, hoặc phải đối mặt với những kẻ thù địch: thì những chúng sinh ấy có thể xưng tên Đức Bồ Tát Hư Không Tạng, thực hiện càng nhiều càng tốt những cúng dường, an lập tâm mình trong sự từ ái đối với tất cả chúng sinh, rồi hãy thốt lên những lời này: *“Xin để tâm tới con, xin để tâm tới con, hồi Đức Hư Không Tạng lòng lấy vĩ đại, được phú bẩm với lòng đại bi và ý hướng làm lợi lạc chúng sinh! Ngài - Đáng được phú bẩm với lòng đại bi, xin hãy nhìn lên con! Xin giải thoát con ra khỏi những hoàn cảnh chống trái này và xin ban định mệnh tốt lành lên con! Hồi Đáng ngập tràn năng lực vô thượng, con đang bị dày vò bởi đau khổ. Con đang túng thiếu và cơ cực. Nhờ nương tựa nơi Ngài, con sẽ đạt được bình an và hạnh phúc trong đời này và cả đời sau.”*

---

<sup>40</sup> Điều này có thể đề cập đến thực hành cổ của Ấn Độ về rasayana, một quá trình giả kim thuật để đạt được khỏe mạnh và quyền lực, sự bất tử và giải thoát. Xem thêm Sachau (1888: 188).



“Và rồi, Đức Bồ Tát Hư Không Tạng sẽ xuất hiện trước họ, trong những thân tướng khác nhau như một người bình thường hay một người nữ, Ngài sẽ mang tới sự cứu độ và giải thoát họ khỏi bất kỳ nỗi lo lắng, sợ hãi nào.

“Điều này cũng đúng cho những người sợ lửa, nước, vũ khí, chất độc, lời nguyền, hổ báo, sư tử, các chất độc mạnh, trộm cướp, và những kẻ lừa lọc,<sup>41</sup> bị gông cùm, hoặc bị trừng phạt, hoặc sắp bị giết; những người đang tấn công bởi một căn bệnh hay người sợ bệnh tật; và những người đang bị tước áo tu sĩ, của bố thí, giường, ghế, thuốc chữa bệnh, hoặc các nhu cầu cơ bản bị đe dọa.

“Một số vị hoàng tử [F.281.a] có thể muốn được thăng tiến lên một cấp bậc cao hơn. Họ có thể xưng tên Bồ Tát Hư Không Tạng và bày tỏ lòng tôn kính tới Ngài, thờ phượng và kính ngưỡng Ngài v.v... Sau khi đã nghe được tên Bồ Tát Hư Không Tạng, những người muốn được lên cấp bậc cao trong số các bà la môn, gia chủ, thợ thủ công, những người tham gia vào nghiên cứu, hay thiền định, cho đến bất kỳ thứ hạng cao nào mà họ mong muốn, nên tỏ lòng tôn kính tới Ngài. Khi họ đã tắm rửa, mặc quần áo sạch sẽ, họ nên nương tựa, quy y vào Đức Bồ Tát Hư Không Tạng trong suốt thời khắc bình minh và cầu nguyện tới Ngài, hãy cất lên những lời này:

---

<sup>41</sup> Tib. *g.yon can*. Từ dịch thay thế: ma quỷ.

*“O Hỡi Đức Hư Không Tạng, lòng từ bi của Ngài thật sự vĩ đại! Con cầu nguyện, xin ban cho định mệnh may mắn lên con! Hãy hoàn thành những nguyện vọng và ý định của con, từng điều một trong chúng phù hợp theo mong ước của con! Ngài là đáng được phú bẩm với lòng đại bi, xin ban cho con bất kỳ điều gì con mong ước, và xin vui lòng thực hiện bất kỳ điều gì con thỉnh cầu!”*

“Nếu họ thực hiện tất cả điều này và cất lên những lời này, thì Đức Bồ Tát Hư Không Tạng sẽ nghe được chúng nhờ năng lực thanh tịnh của thiên nhĩ thông và Ngài sẽ hiển lộ bản thân mình với những chúng sinh ấy trong bất kỳ hình thức nào thích hợp. Ngài cũng sẽ chỉ dạy cho họ phương tiện thiện xảo như vậy.

“Đức Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng được phú bẩm với phẩm tánh tuyệt hảo của phương tiện thiện xảo như thế. Ngài sở hữu sẵn một tâm thức bao la như đại dương vĩ đại.

“Thiện nam tử, có thể tính được số giọt nước chứa trong đại dương, nhưng không ai có thể đo lường được mức độ năng lực cùng trí tuệ thiện xảo hay độ rộng khắp trong hoạt động làm thuần thực, chín mùi chúng sinh thông qua phương tiện thiện xảo của Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng.

Thiện nam tử, có thể nắm bắt được sự rộng mở của toàn bộ không gian vô hạn trong khắp mười phương,

nhưng không thể nắm bắt được vô số những hình thức, thân tướng mà Đức Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng hóa hiện nhằm đưa chúng sinh đến sự trưởng thành tâm linh. Đôi lúc Ngài thị hiện trong hình thức của một vị Phật để làm chín mùi chúng sinh, [F.281.b] đôi lúc trong hình thức của một vị bà la môn. Ngài thị hiện trong bất cứ hình thức nào cần thiết để điều phục chúng sinh. Với những chúng sinh trong cõi súc sinh, Ngài thị hiện trong hình thức của một loài vật; Với những chúng sinh địa ngục, Ngài ở trong hình thức của một chúng sinh địa ngục; và với những người ở trong thế giới Yama (Tử Thần), Ngài xuất hiện như một chúng sinh trong những thế giới Tử Thần, và v.v...

“Đối với một số người, Ngài lưu xuất ra như một hóa hiện có thể cảm nhận được một cách trực tiếp, còn với những người khác, Ngài lại hóa hiện trong những giấc mơ. Đối với một số khác, Ngài lại thị hiện dưới những hình thức khác nhau vào lúc lâm chung, lúc cận tử, ở những chuyển động cuối cùng của ý thức, nhằm loại bỏ nghiệp chướng từ những hành động tiêu cực của họ và giải thoát họ khỏi những cõi thấp, rồi đặt họ trong các cõi giới cao hơn, Ngài mang lại hạnh phúc cho chúng sinh. Sau khi thọ quy y và thấy những hóa hiện này, những chúng sinh này sẽ có được tất cả mọi hình thức hạnh phúc từ thế tục lên đến những hạnh phúc an trụ trong các cõi giới cao hơn. Chính vì lý do này mà không ai có thể hiểu được sức ảnh hưởng và độ rộng lớn của tất cả mọi biểu hiện Đức Hư Không Tạng thị hiện.

“Thật vậy, Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng được ưu đãi với những phẩm tánh tuyệt hảo không thể nghĩ bàn của phương tiện cùng trí tuệ thiện xảo. Ngài được thiên bẩm những phẩm tánh tuyệt diệu của một vị Phật. Đó là lý do vì sao một viên ngọc như ý quý giá lại xuất hiện trên đỉnh kế - phần cao nhất trên thân vị trưởng tử dòng dõi tôn quý này.”

Toàn bộ tập hội đã vô cùng ngạc nhiên và sửng sốt trước Đức Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng. Sau khi đánh lễ, bày tỏ lòng tôn kính bậc thầy của mình và tán thán Ngài, tất cả bọn họ đều chắp lòng bàn tay của mình lại và thực hiện những cúng dường tới Đức Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng, họ xưng tán Ngài trong nhiều cách khác nhau. Họ cúng dường hương, hoa, vòng đeo, dầu thơm, đèn nến, lọng che, dải lụa chiến thắng, cờ quạt, pháp y, trang sức, gấm vóc, những sự tán thán, những bài ca và âm nhạc chập chĩa.

Lần lượt Đức Bồ Tát Hư Không Tạng [F.282.a] trình lên Đức Thế Tôn với tất cả những cúng phẩm này, sau đó Ngài lễ lạy dưới chân Đức Thế Tôn và khẩn cầu với những lời này:

“Đức Thế Tôn linh thánh, trong phật quốc khôn khổ bị nhuộm màu bởi ngũ trược này, chúng sinh bị lừa dối bởi bóng tối vĩ đại của vô minh. Làm thế nào những chúng sinh ấy có thể được lợi lạc, để rồi mang lại sự giác ngộ của họ?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Nó là như vậy, thiện nam tử. Bầu trời thì không bị ràng buộc mà cũng không được giải thoát. Không bị khốn khổ mà cũng không bị lừa dối, và nó là sự nguyên thủy ban sơ một cách tự nhiên. Gió phân tán những hạt bụi trên bầu trời, và đưa chúng ra xung quanh. Do đó, trên bầu trời xuất hiện bất tịnh, tối như đêm đen. Sau đó, nước khiến cho các hạt bụi rơi xuống, làm bầu trời trong sạch và trở về sự nguyên thủy ban sơ của nó một cách trọn vẹn. Trong trường hợp này, nếu các vì sao, tinh cầu, mặt trời, mặt trăng không được thấy, thì sau đó các giây, phút, giờ,<sup>42</sup> ngày, đêm, mùa, năm cũng sẽ không thể được thấy.

“Thiện nam tử, trong cùng một cách như vậy, tâm – cái được tràn ngập, tỏa khắp bởi sự trống rỗng - thực tại tối hậu của Như Lai - là do bản tánh tuyệt đối nguyên sơ và thuần tịnh. Tuy nhiên, tâm thức của chúng sinh thì đã bị nhiễm ô do phiền não phát sinh một cách bất tịnh. Vì lợi ích của họ mà Pháp được giảng dạy do lòng đại bi của Như Lai, thứ được ví giống như nước. Tâm thức bị ảnh hưởng của chúng sinh được hoàn toàn tinh lọc, tịnh hóa và khiến chúng tinh ròng và không hoen ố trở lại. Vì điều này, khi mặt trời của Như Lai mọc lên, thì chúng sinh sẽ được lấp đầy với những tia sáng của trí tuệ nguyên

---

<sup>42</sup> Các thuật ngữ trong văn bản *skad cig* (Phạn. *Ksana*), đơn vị thời gian ngắn nhất, *thag cig* (dung nham), 1/30 của một muhurta, và *yud tsam* (muhurta), 1/30 của một ngày.

sơ và họ sẽ hiện thực hóa được những phẩm chất tuyệt diệu bất khả tư nghị của một vị Phật.

“Nhu vậy, họ sẽ được kiến lập trong tứ niệm xứ, tứ diệu đế và cú thể dần lên đến nhánh thứ tám của Bát Chánh Đạo. Họ sẽ đạt được tất cả những phẩm tánh cao cả, lên đến 18 phẩm tánh độc nhất vô nhị của một vị Phật. Tất cả chúng sanh này sẽ được bắt rễ vững chắc trong lòng bi mẫn. Từ trong số này, các vị A La Hán sẽ xuất hiện trên thế gian. [F.282.b] Các vị Duyên Giác Bích Chi Phật và Bồ Tát Ma Ha Tát sẽ xuất hiện trên thế gian. Đấng Như Lai, A La Hán, chư Phật viên mãn trọn hảo sẽ xuất hiện trên thế gian.

“Thiện nam tử, ông nghĩ gì: Hư không có ở trong mắt không?”

Đức Hư Không Tạng đáp: “Thưa Đức Thế Tôn, nó không ạ.”

“Thế nó có ở trong nhãn thức không?”

“Thưa Đức Thế Tôn, không ạ.”

“Vậy nó có ở trong cái mà được nắm bắt bởi mắt không?”

“Thưa Đức Thế Tôn, không ạ.”

“Có hư không tồn tại ở bất cứ nơi nào bên trong, trong sự phát sinh của 3 cảm thọ<sup>43</sup> được mang lại do mắt khi nắm bắt một đối tượng không?”

“Thưa Đức Thế Tôn, không ạ.”

“Cũng tương tự như vậy khi nói về tai, mũi, lưỡi, và thân. Thiện nam tử, ông nghĩ gì: Hư không có tồn tại trong tâm, hay bất cứ nơi nào khác đến từ sự sinh khởi của 3 cảm thọ được mang lại do tâm nắm bắt một đối tượng không?”

“Thưa Đức Thế Tôn, không ạ.”

“Thiện nam tử, ông nghĩ gì: Chúng sinh có tồn tại trong hư không không?”

“Thưa Đức Thế Tôn, họ không ạ.”

“Thế ông nghĩ gì, thiện nam tử: Hư không có tồn tại ở trong các chúng sinh không?”

“Thưa Đức Thế Tôn, không ạ.”

Như vậy Bồ Tát Ma Ha Tát Hư Không Tạng lần lượt trả lời những câu hỏi của Đức Thế Tôn.

---

<sup>43</sup> Thoải mái, khó chịu, và cảm xúc trung lập.

Ngài tiếp tục: “*Bạch Thế Tôn, chúng không phụ thuộc lẫn nhau. Một vật không phải là đối tượng của vật khác. Bạch Thế Tôn, vạn pháp đang được hiểu theo thể cách đặc biệt này: Chúng không có những khái niệm, chúng là trống rỗng, không có sự thêm thắt vào; Chúng là thực tại cuối cùng và như thị. Bạch Thế Tôn, với sự liên hệ tới đặc tính của hư không, thì nó là như vậy. Đặc tính cụ thể của nó là không phân biệt; là vô niệm, là hoàn toàn không có khái niệm, ý niệm; Nó bất động, và thiếu vắng chất thể cố hữu. Nó không có mầm mống, hạt giống, hoa trái và sự chín mùi; nó không có những lời nói, sự định hình, dán nhãn tinh thần. Bạch Thế Tôn, [F.283.a] một bậc Bồ Tát Ma Ha Tát là bậc thấu hiểu tất cả vạn pháp theo cách này, bậc ấy đã đạt được sự chấp nhận rằng vạn pháp đều không sinh khởi. Bạch Thế Tôn, nó là như vậy:*

***Vy-ava-raja | Manta-ksaya  
/ Jina-jaya | Jana-nima-muni-hara |  
Anaya-phala | Guna-garbha  
/ Ni-ya-ma-suri-naya | Bu-pasa |  
Sata-Sapa | Sama-Sana |  
Tatha-kama | Sama-ngu |  
Matu-sisa | Sama-ceta-naya |  
Kle-san-ta-sam-so-sane Svaha |”***



Đức Thế Tôn đáp: “*Sadhu! Sadhu! (Lành thay, lành thay!) Thiện nam tử, khi ông dùng Dharani Mãn Su Xoay Chuyển này, nó sẽ làm tràn ngập tất cả những ai thấy nó,<sup>44</sup> vào lúc chết, vào thời khắc cuối cùng của thân thức chúng sinh, ông sẽ có năng lực loại trừ những che chướng phiền não, những che chướng về nghiệp, cùng những che ám liên quan đến vạn pháp của họ, và ông sẽ có năng lực đưa họ tới những Phật quốc thuần tịnh. Ông sẽ đi tới vô số hệ thống thế giới không thể tính đếm, và bằng năng lực của lòng đại bi dành cho chúng sinh, ông sẽ tuyên thuyết những cấp độ khác nhau của các Kinh Văn Đại Thừa trong những làng mạc, thị trấn, vùng miền, xứ sở và cung điện vua chúa. Hóa hiện bằng những thân tướng, hình thức khác nhau cùng hành năng và phục sức thích hợp, ông sẽ mang chúng sinh tới sự trưởng thành trong một cách mà tất cả bọn họ, từ thấp nhất giữa tầng lớp kshatriya cho đến thấp nhất giữa các tu sĩ có thể từ bỏ được các ác pháp và được an lập trong các thiện pháp.*”

Khi Đức Thế Tôn tuyên thuyết, vô lượng chúng sinh của 9 loài trời, người đã đạt được những trạng thái khác nhau của thiền định, tổng trì đà la ni cùng khổ hạnh, trong khi những người khác đạt được trí tuệ thập địa. Hàng chục ngàn chúng sinh đạt được sự chấp nhận rằng mọi hiện tượng đều không sinh khởi.

---

<sup>44</sup> Không có tài liệu tham khảo khác tới Dharani này.

*“Khi chúng sinh từ bỏ gốc rễ mâu thuẫn xung đột,  
Dù cho bất kỳ sự tranh cãi nào có thể xảy đến,  
Thì sau đó nền tảng của mọi quan điểm  
sẽ nhanh chóng thay đổi.”<sup>45</sup>*

Khi Đức Thế Tôn thuyết những lời này, các tu sĩ, toàn bộ đoàn tùy tùng, cùng toàn thể thế giới, gồm Trời, Người, Atula, Càn Thát Bà [F.283.b] hoan hỷ và xưng tán khẩu ngữ Ngài.

*Điều này hoàn thành Kinh Đại Thừa Hư Không Tạng Tôn Quý.*

*Đã hiệu đính, biên dịch, và sắp xếp bởi vị trụ trì xứ Ấn Sakyaprabha cùng vị tu sĩ Ratnaraksita.*

---

<sup>45</sup> Phiên bản đoạn này thì khác với bản được tìm thấy trong các phiên bản khác của Kangyur. Ở đây chúng tôi đi theo các phiên bản Dege, thường được coi là đáng tin cậy nhất. Như những phiên bản khác của đoạn này, chẳng hạn như những người được tìm thấy trong Narthang và Bắc Kinh, ví dụ, rất khó để hiểu, những người biên tập của Dege Kangyur dường như đã sửa đổi đoạn thơ này một cách đặc biệt cẩn thận.

## **Nguồn Chú Thích**

### ***Những chữ viết tắt cho phiên bản Kangyur:***

*C: Cone, D: Degé, L: Lithang, N: Narthang,  
P: Beijing, Y: Yunglo, Zh: Zhol*

### ***Các chữ viết tắt khác:***

*BCA: Bodhicaryavatara,  
LVP: La Vallée Poussin*

## **Nguồn Tham Khảo**

### **Các bản văn Tây Tạng**

‘phags pa nam mkha’i snying po zhes bya ba theg pa chen po’I mdo. Toh. 260. Degé Kangyur, vol. 66 (mdo sde, za), folios 264a–283b.

‘phags pa nam mkha’i snying po zhes bya ba theg pa chen po’I mdo. bka’ ’gyur (dpe bsdur ma) [Phiên Bản So Sánh của Kangyur], krung go’i bod rig pa zhib ’jug ste gnas kyi bka’ bstan dpe sdur khang (Tuyển Tập Tam Tạng Kinh Tây Tạng của Trung Tâm Nghiên Cứu Tây Tạng Học Trung Quốc). 108 volumes. Beijing: krung go’i bod rig pa dpe skrun khang (Nhà Xuất Bản Tây Tạng Học Trung Quốc), 2006-2009, vol. 66 (mdo sde, za), pp 731-777.

bslab pa kun las btus pa: Toh 3940, Degé Tengyur vol. 103 (dbu ma, khi), folios 3a-194b. Sa skya Pandita. thub pa’i dgongs pa rab tu gsal ba. dpal ldan sa skya pa’i bka’ ’bum, vol. 10 (tha), folios 1a-99a.

Tái bản lại ở Dehradun U.P: Trung Tâm Sakya (1993).

## Tài Liệu Phụ

Bendall, Cecil và W.H.D Rouse. *Shikhsasamuccaya*. Một Tóm Lược Giáo Lý Đạo Phật. London: John Murray, 1922.

Davidson, Ronald. “Nghiên Cứu Đà La Ni Studies Tài Liệu I: Khảo Cứu Lại Ý Nghĩa Thuật Ngữ Dharani.” *Tạp San Triết Học Ấn Độ* vol. 37:2 (Tháng 4, 2009): 97-147.

De Visser, M. W. *Bồ Tát Hư Không Tạng (Kokuzo) ở Trung Quốc và Nhật Bản*. Amsterdam: Uitgave van de Koninklijke Akademie van Wetenschappen te Amsterdam, 1931.

Harrison, Paul. “Những Trung Gian và Thông Điệp: Những Phản Ảnh về Sự Sản Sinh các Kinh Văn Đại Thừa.” *Phật Giáo Phương Đông* 35, nos. 1-2, (2003): 115-151.

Kongtrul Lodro Taye, Jamgon. *Kho Tàng Trí Tuệ. Cuốn 5: Những Nguyên Tắc Phật Tử*. Ithaca: NXB Sư Tử Tuyết, 2003.

Lamotte, Étienne. *Shuramgamasamadhi sutra: Sự Tập Trung của Tiến Trình Anh Hùng, Một Kinh Văn Phật Giáo Đại Thừa Có Từ Sớm*. Được phiên dịch bởi Sara Boin-Webb. London: Curzon Press, 1998.

La Vallée Poussin (LVP), Louis de. L'Abhidharmakośa de Vasubandhu, traduit et annoté par Louis de la Vallée Poussin: Premier et Deuxième Chapitres. Vol. 1, Paris: P. Geuthner, 1923.

Ngari Panchen, Pema Wangyi Gyalpo và Dudjom Rinpoche. Đạo Hạnh Hoàn hảo: Xác Quyết 3 Thệ Nguyện. Boston: NXB Trí Tuệ, 1996.

Sachau, Edward C., trans. Alberuni's India. vol. 1. London: Trübner & Co., Ludgate Hill, 1888.

Shantideva. Bồ Tát Đạo. Được dịch bởi Nhóm Dịch Thuật Padmakara. Phiên bản in lại. Boston & London: NXB Shambhala, 2006.

Tharchin, Tenzin và Elisabeth Lindmayer. Das Kinh Hư Không Tạng Akashagarbha. Allumfassende Liebe und Weisheit: Heilend und wunscherfüllend , München: Diamant Verlag, 2010.

Wangchuk, Dorji. Quyết Thành Phật. Một Nghiên Cứu về Khái niệm Bồ Đề Tâm trong Phật Giáo Indo-Tây Tạng. Tokyo: Viện Nghiên Cứu Phật Giáo Chuyên Sâu Quốc Tế, 2007.

Zimmermann, Michael. Kinh Như Lai Tạng Tathagatarbha. Sự Phô Bày Sớm Nhất của Giáo Lý Phật Tánh ở Ấn Độ. Tokyo: Viện Nghiên Cứu Phật Giáo Chuyên Sâu Quốc Tế, 2002.